ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 187 + 188)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 5: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 180/1 đến mốc số 314 thuộc các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/2(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/2(1) và cột mốc số 230/2(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 30,82m.	1212412,85 564570,52	10 58 01,815 105 35 27,574	6,58 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,38
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/1(2) đến cột mốc số 230/2(1) là 255°22'47,941", khoảng cách là 1433,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/2(1) đến cột mốc số 230/2(2) là 168°48'52,475", khoảng cách là 67,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/2(1) đến cột mốc số 230/3(1) là 254°54'16,895", khoảng cách là 1173,50m.	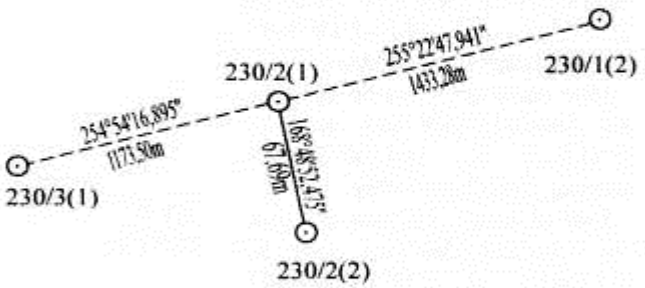		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/2(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/2(2) và cột mốc số 230/2(1) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 36,87m.	1212346,45 564583,65	10 57 59,652 105 35 28,003	6,77 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,57
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/1(2) đến cột mốc số 230/2(2) là 252°41'19,265", khoảng cách là 1438,92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/2(1) đến cột mốc số 230/2(2) là 168°48'52,475", khoảng cách là 67,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/2(2) đến cột mốc số 230/3(1) là 258°12'39,856", khoảng cách là 1170,84m.	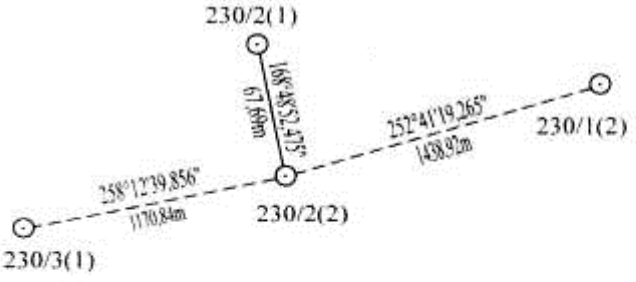		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/3(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/3(1) và cột mốc số 230/3(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 23,31m.	1212107,24 563437,51	10 57 51,937 105 34 50,224	5,38 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,18
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/2(2) đến cột mốc số 230/3(1) là 258°12'39,856", khoảng cách là 1170,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/3(1) đến cột mốc số 230/3(2) là 160°57'55,496", khoảng cách là 54,10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/3(1) đến cột mốc số 230/4(1) là 260°08'50,123", khoảng cách là 1518,03m.	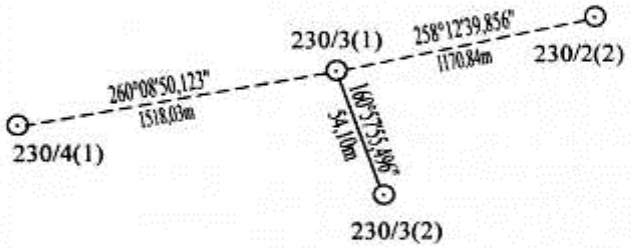		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/3(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/3(2) và cột mốc số 230/3(1) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 30,79m.	1212056,11 563455,15	10 57 50,271 105 34 50,802	5,61 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,41
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/2(2) đến cột mốc số 230/3(2) là 255°34'18,767", khoảng cách là 1165,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/3(1) đến cột mốc số 230/3(2) là 160°57'55,496", khoảng cách là 54,10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/3(2) đến cột mốc số 230/4(1) là 262°09'01,217", khoảng cách là 1527,59m.	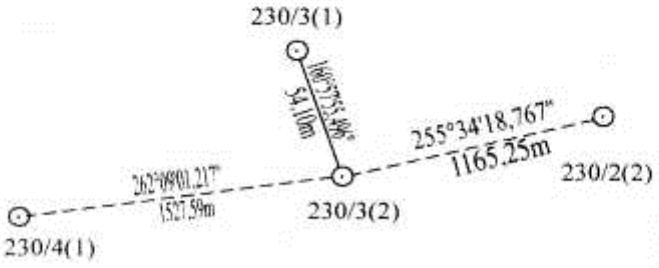		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/4(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/4(1) và cột mốc số 230/4(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 27,87m.	1211847,48 561941,87	10 57 43,573 105 34 00,929	4,09 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,89

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/3(2) đến cột mốc số 230/4(1) là 262°09'01,217", khoảng cách là 1527,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/4(1) đến cột mốc số 230/4(2) là 177° 26' 44,818", khoảng cách là 60,87m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/4(1) đến cột mốc số 230/5(1) là 260°02'30,019", khoảng cách là 1004,04m.	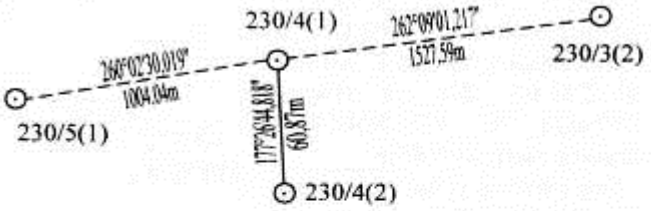

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/4(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/4(2) và cột mốc số 230/4(1) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 33,00m.	1211786,73 561944,58	10 57 41,595 105 34 01,014	6,84 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,64
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/3(2) đến cột mốc số 230/4(2) là 259°53'19,437", khoảng cách là 1534,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/4(1) đến cột mốc số 230/4(2) là 177°26'44,818", khoảng cách là 60,87m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/4(2) đến cột mốc số 230/5(1) là 263°30'20,704", khoảng cách là 998,02m.	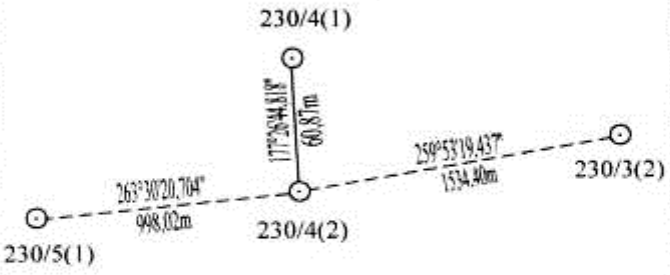		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/5(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/5(1) và cột mốc số 230/5(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 35,02m.	1211673,85 560952,96	10 57 37,980 105 33 28,336	6,57 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,37

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/4(2) đến cột mốc số 230/5(1) là 263°30'20,704", khoảng cách là 998,02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/5(1) đến cột mốc số 230/5(2) là 173°42'14,881", khoảng cách là 74,23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/5(1) đến cột mốc số 230/6(1) là 250°50'11,478", khoảng cách là 1237,81m.	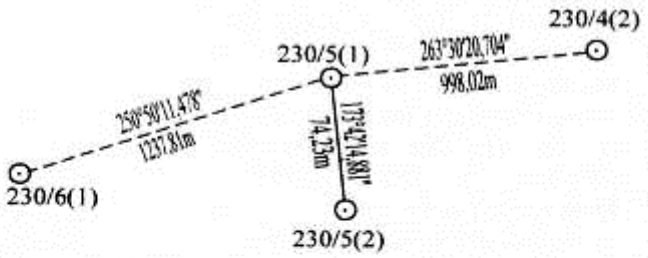

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/5(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/5(2) và cột mốc số 230/5(1) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 39,21m.	1211600,07 560961,10	10 57 35,577 105 33 28,599	7,35 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			6,15

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/4(2) đến cột mốc số 230/5(2) là 259°15'12,047", khoảng cách là 1001,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/5(1) đến cột mốc số 230/5(2) là 173°42'14,881", khoảng cách là 74,23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/5(2) đến cột mốc số 230/6(1) là 254°13'38,844", khoảng cách là 1223,42m.	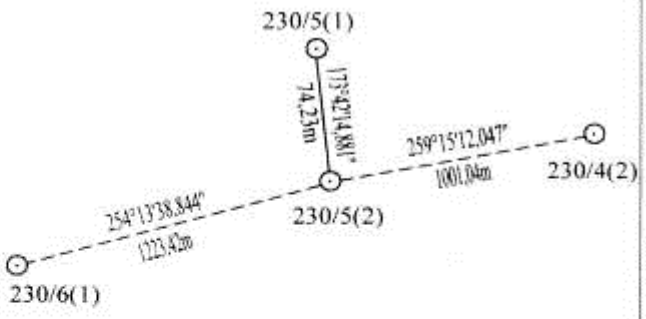

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/6(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/6(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/6(1) và cột mốc số 230/6(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 23,25m.	1211267,52 559783,74	10 57 24,821 105 32 49,788	5,81 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,61
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/5(2) đến cột mốc số 230/6(1) là 254°13'38,844", khoảng cách là 1223,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/6(1) đến cột mốc số 230/6(2) là 155°24'49,585", khoảng cách là 47,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/6(1) đến cột mốc số 230/7(1) là 243°38'35,519", khoảng cách là 1005,25m.	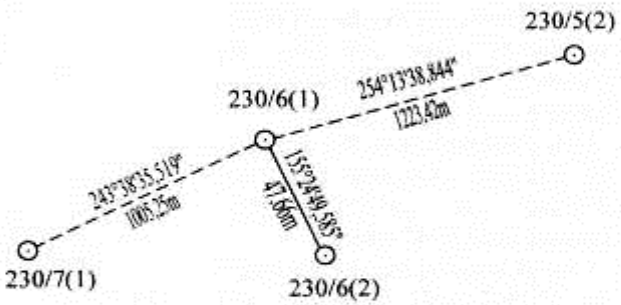		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/6(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/6(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/6(2) và cột mốc số 230/6(1) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 24,41m.	1211224.18 559803.57	10 57 23,409 105 32 50,439	5,10 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,90
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/5(2) đến cột mốc số 230/6(2) là 252°00'34,542", khoảng cách là 1217,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/6(1) đến cột mốc số 230/6(2) là 155°24'49,585", khoảng cách là 47,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/6(2) đến cột mốc số 230/7(1) là 246°21'37,336", khoảng cách là 1004,91m.	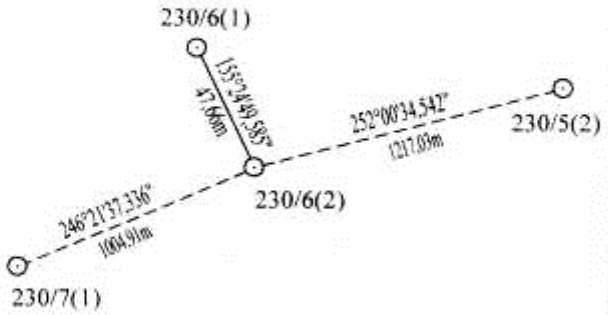		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/7(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/7(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/7(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh 79 chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 31,38m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/7(2) là 38,55m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/7(3) là 31,28m.	1210821,23 558882,99	10 57 10,344 105 32 20,084	6,26 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,06

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/6(2) đến cột mốc số 230/7(1) là 246°21'37,336", khoảng cách là 1004,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(1) đến cột mốc số 230/7(2) là 115°29'38,450", khoảng cách là 67,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(1) đến cột mốc số 230/7(3) là 178°48'21,200", khoảng cách là 57,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(2) đến cột mốc số 230/7(3) là 244°27'26,484", khoảng cách là 66,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(1) đến cột mốc số 230/8(1) là 260°59'41,395", khoảng cách là 970,27m.	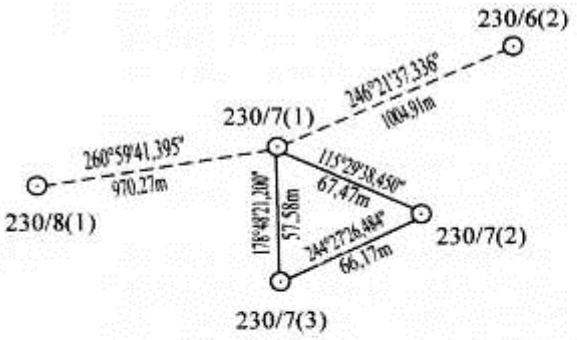

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/7(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/7(2) cắm trên bờ kênh Cái Cò (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/7(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy kênh Cái Cò (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh 79 chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 41,90m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/7(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/7(1) là 28,92m.	1210792,19 558943,89	10 57 09,395 105 32 22,089	6,65 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,45

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/6(2) đến cột mốc số 230/7(2) là 243°19'13,546", khoảng cách là 962,11m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(1) đến cột mốc số 230/7(2) là 115°29'38,450", khoảng cách là 67,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(1) đến cột mốc số 230/7(3) là 178°48'21,200", khoảng cách là 57,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(2) đến cột mốc số 230/7(3) là 244°27'26,484", khoảng cách là 66,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(2) đến cột mốc số 230/8(1) là 263°07'41,322", khoảng cách là 1026,58m.	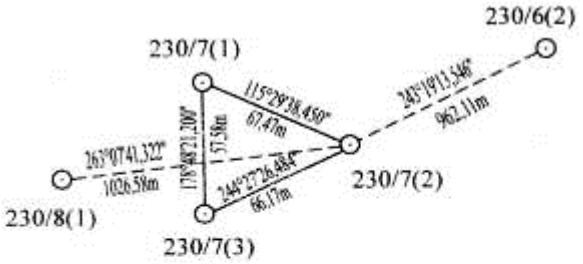

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/7(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/7(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/7(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh 79 chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 37,39m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/7(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/7(1) là 26,30m.	1210763,66 558884,19	10 57 08,469 105 32 20,120	7,37 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 6,17

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/6(2) đến cột mốc số 230/7(3) là 243°23'36,900", khoảng cách là 1028,27m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(1) đến cột mốc số 230/7(2) là 115°29'38,450", khoảng cách là 67,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(1) đến cột mốc số 230/7(3) là 178°48'21,200", khoảng cách là 57,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(2) đến cột mốc số 230/7(3) là 244°27'26,484", khoảng cách là 66,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(3) đến cột mốc số 230/8(1) là 264°23'13,324", khoảng cách là 964,13m.	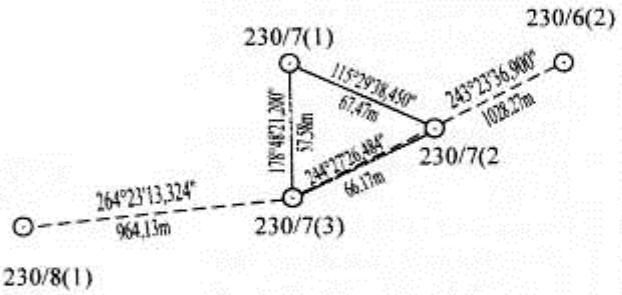

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/8(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/8(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/8(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/8(1) và cột mốc số 230/8(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 24,60m.	1210669,36 557924,68	10 57 05,455 105 31 48,502	4,95 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,75
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(3) đến cột mốc số 230/8(1) là 264°23'13,324", khoảng cách là 964,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/8(1) đến cột mốc số 230/8(2) là 173°00'48,481", khoảng cách là 48,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/8(1) đến cột mốc số 230/9(1) là 262°39'22,433", khoảng cách là 647,15m.	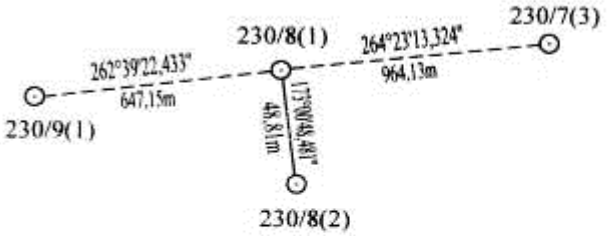		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/8(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/8(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/8(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/8(2) và cột mốc số 230/8(1) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 24,21m.	1210620,97 557930,61	10 57 03,879 105 31 48,695	5,07 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,87
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/7(3) đến cột mốc số 230/8(2) là 261°29'22,654", khoảng cách là 964,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/8(1) đến cột mốc số 230/8(2) là 173°00'48,481", khoảng cách là 48,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/8(2) đến cột mốc số 230/9(1) là 266°57'58,759", khoảng cách là 648,68m.	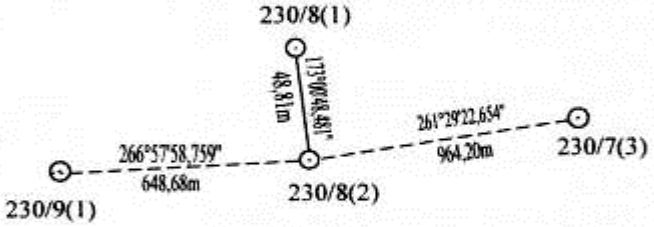		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/9(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/9(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/9(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh KT1 chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 24,31m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/9(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/9(2) là 29,72m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/9(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/9(3) là 23,06m.	1210586,64 557282,84	10 57 02,798 105 31 27,351	5,66 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,46

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/8(2) đến cột mốc số 230/9(1) là 266°57'58,759", khoảng cách là 648,68m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(1) đến cột mốc số 230/9(2) là 137°42'45,953", khoảng cách là 65,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(1) đến cột mốc số 230/9(3) là 189°01'30,264", khoảng cách là 56,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(2) đến cột mốc số 230/9(3) là 262°19'38,127", khoảng cách là 53,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(1) đến cột mốc số 230/10(1) là 263°40'23,100", khoảng cách là 772,13m.	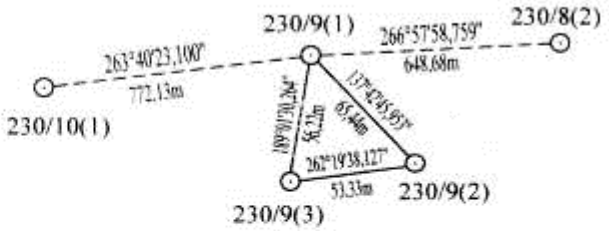

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/9(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/9(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/9(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh KT1 chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 45,13m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/9(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/9(1) là 35,72m.	1210538,23 557326,87	10 57 01,219 105 31 28,798	6,68 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,48

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/8(2) đến cột mốc số 230/9(2) là 262°11'47,288", khoảng cách là 609,38m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(1) đến cột mốc số 230/9(2) là 137°42'45,953", khoảng cách là 65,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(1) đến cột mốc số 230/9(3) là 189°01'30,264", khoảng cách là 56,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(2) đến cột mốc số 230/9(3) là 262°19'38,127", khoảng cách là 53,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(2) đến cột mốc số 230/10(1) là 267°24'42,663", khoảng cách là 812,29m.	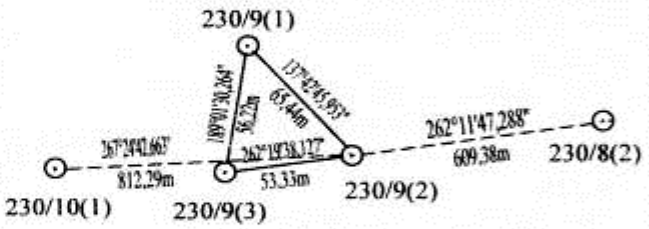

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/9(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/9(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/9(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh KT1 chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 35,53m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/9(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/9(1) là 33,16m.	1210531,11 557274,02	10 57 00,991 105 31 27,057	6,16 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,96

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/8(2) đến cột mốc số 230/9(3) là 262°12'25,176", khoảng cách là 662,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(1) đến cột mốc số 230/9(2) là 137°42'45,953", khoảng cách là 65,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(1) đến cột mốc số 230/9(3) là 189°01'30,264", khoảng cách là 56,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(2) đến cột mốc số 230/9(3) là 262°19'38,127", khoảng cách là 53,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(3) đến cột mốc số 230/10(1) là 267°46'06,749", khoảng cách là 759,19m.	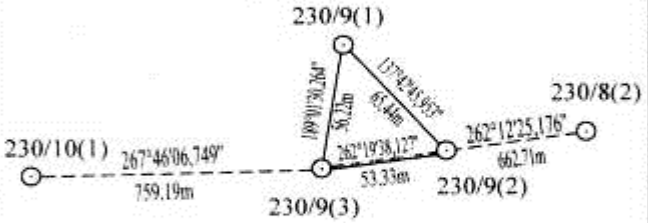

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/10(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/10(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/10(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/10(1) và cột mốc số 230/10(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 28,77m.	1210501,55 556515,41	10 57 00,071 105 31 02,061	6,19 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,99
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(3) đến cột mốc số 230/10(1) là 267°46'06,749", khoảng cách là 759,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/10(1) đến cột mốc số 230/10(2) là 169°07'01,698", khoảng cách là 56,87m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/10(1) đến cột mốc số 230/11(1) là 266°23'21,453", khoảng cách là 1327,79m.	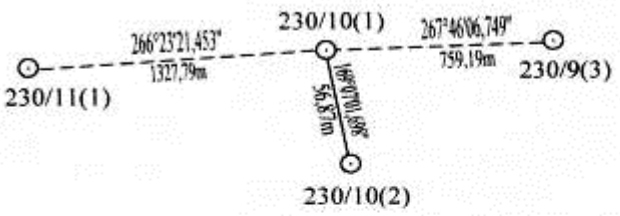		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/10(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/10(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/10(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/10(2) và cột mốc số 230/10(1) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) là 28,10m.	1210445,74 556526,14	10 56 58,253 105 31 02,411	5,77 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,57
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/9(3) đến cột mốc số 230/10(2) là 263°29'16,483", khoảng cách là 752,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/10(1) đến cột mốc số 230/10(2) là 169°07'01,698", khoảng cách là 56,87m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/10(2) đến cột mốc số 230/11(1) là 268°48'26,653", khoảng cách là 1336,17m.	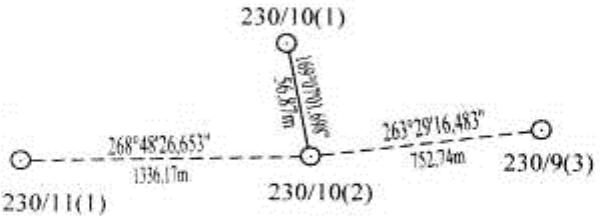		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/11(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/11(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 230/11(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh Cái Bát chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 31,19m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/11(2) là 34,91m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/11(3) là 30,88m.	1210417,93 555190,26	10 56 57,422 105 30 18,397	5,97 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/10(2) đến cột mốc số 230/11(1) là 268°48'26,653", khoảng cách là 1336,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(1) đến cột mốc số 230/11(2) là 140°19'49,130", khoảng cách là 58,30m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(1) đến cột mốc số 230/11(3) là 191°48'47,321", khoảng cách là 57,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(2) đến cột mốc số 230/11(3) là 256°33'11,902", khoảng cách là 50,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(1) đến cột mốc số 231(1) là 301°49'36,936", khoảng cách là 774,92m.	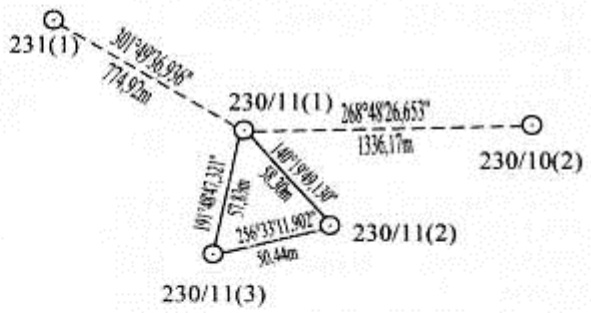		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/11(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/11(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/11(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh Cái Bát chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 36,26m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/11(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/11(1) là 23,39m.	1210373,05 555227,48	10 56 55,958 105 30 19,621	7,75 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 6,55

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/10(2) đến cột mốc số 230/11(2) là 266°47'46,758", khoảng cách là 1300,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(1) đến cột mốc số 230/11(2) là 140°19'49,130", khoảng cách là 58,30m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(1) đến cột mốc số 230/11(3) là 191°48'47,321", khoảng cách là 57,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(2) đến cột mốc số 230/11(3) là 256°33'11,902", khoảng cách là 50,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(2) đến cột mốc số 231(1) là 303°06'13,423", khoảng cách là 830,42m.	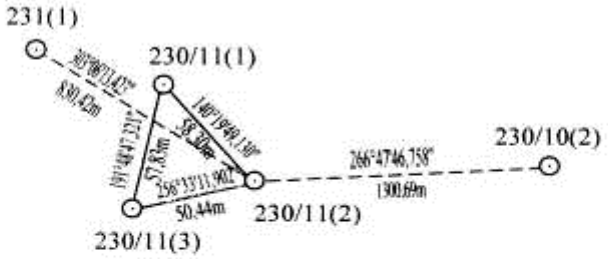

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 230/11(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 230/11(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 230/11(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (Prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh Cái Bát chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 30,01m. Khoảng cách từ cột mốc số 230/11(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/11(1) là 26,95m.	1210361,32 555178,42	10 56 55,579 105 30 18,004	6,69 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,49
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/10(2) đến cột mốc số 230/11(3) là 266°24'56,612", khoảng cách là 1350,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(1) đến cột mốc số 230/11(2) là 140°19'49,130", khoảng cách là 58,30m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(1) đến cột mốc số 230/11(3) là 191°48'47,321", khoảng cách là 57,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(2) đến cột mốc số 230/11(3) là 256°33'11,902", khoảng cách là 50,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 230/11(3) đến cột mốc số 231(1) là 305°44'19,274", khoảng cách là 796,57m.	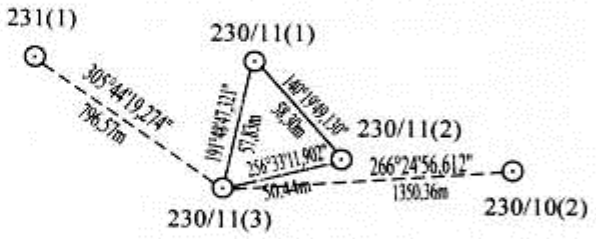		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại C	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 6 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231(1) cắm trên bờ sông Tam Ly (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy kênh Cái Cỏ (prêch Smau) và trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tờ RoBéc chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 32,99m. Khoảng cách từ cột mốc số 231(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231(2) là 34,69m. Khoảng cách từ cột mốc số 231(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231(3) là 34,21m.	1210826,59 554531,85	10 57 10,761 105 29 56,727	8,92 (2,10) Độ cao mặt đất (m) 6,82
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 230/11(3) đến cột mốc số 231(1) là 305°44'19,274", khoảng cách là 796,57m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(1) đến cột mốc số 231(2) là 330°06'35,322", khoảng cách là 82,65m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(1) đến cột mốc số 231(3) là 47°05'53,239", khoảng cách là 75,71m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(2) đến cột mốc số 231(3) là 101°45'34,306", khoảng cách là 98,72m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(1) đến cột mốc số 231/1(1) là 207°38'09,705", khoảng cách là 639,08m.	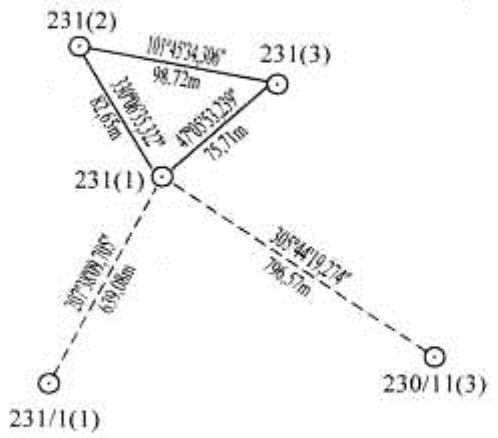		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại C	Đá hoa cương	Ngày 26 tháng 7 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231(2) cắm trên bờ sông Tam Ly (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy kênh Cái Cỏ (prêch Smau) và trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tờ RoBéc chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 58,60m. Khoảng cách từ cột mốc số 231(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231(1) là 47,96m.	1210898,25 554490,66	10 57 13,097 105 29 55,374	8,94 (4,37) Độ cao mặt đất (m) 4,57

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 230/11(3) đến cột mốc số 231(2) là 307°58'44,182", khoảng cách là 872,53m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(1) đến cột mốc số 231(2) là 330°06'35,322", khoảng cách là 82,65m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(1) đến cột mốc số 231(3) là 47°05'53,239", khoảng cách là 75,71m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(2) đến cột mốc số 231(3) là 101°45'34,306", khoảng cách là 98,72m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(2) đến cột mốc số 231/1(1) là 201°48'37,968", khoảng cách là 687,01m.	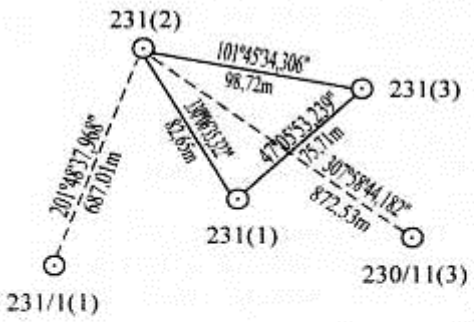

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại C	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 8 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy kênh Cái Cỏ (prêch Smau) và trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tờ RoBéc chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 55,93m. Khoảng cách từ cột mốc số 231(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231(1) là 41,50m.	1210878,13 554587,31	10 57 12,437 105 29 58,557	9,09 (3,59) Độ cao mặt đất (m) 5,50

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 230/11(3) đến cột mốc số 231(3) là 311°09'48,026", khoảng cách là 785,18m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(1) đến cột mốc số 231(2) là 330°06'35,322", khoảng cách là 82,65m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(1) đến cột mốc số 231(3) là 47°05'53,239", khoảng cách là 75,71m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(2) đến cột mốc số 231(3) là 101°45'34,306", khoảng cách là 98,72m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(3) đến cột mốc số 231/1(1) là 209°40'10,227", khoảng cách là 710,91m.	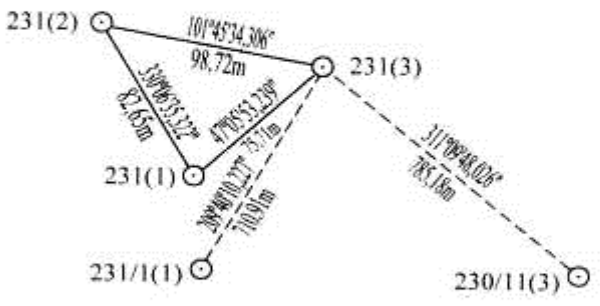

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ: Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ: Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 231/1(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/1(1) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom) và sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến luồng của sông Thông Bình chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 60,61m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/1(2) là 56,80m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/1(3) là 33,23m.	1210260,42 554 235,41	10 56 52,345 105 29 46,929	4,47 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,27

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(3) đến cột mốc số 231/1(1) là 209°40'10,227", khoảng cách là 710,91m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(1) đến cột mốc số 231/1(2) là 133°37'25,799", khoảng cách là 111,88m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(1) đến cột mốc số 231/1(3) là 203°39'51,967", khoảng cách là 68,31m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(2) đến cột mốc số 231/1(3) là 277°40'49,729", khoảng cách là 109,39m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(1) đến cột mốc số 231/2(1) là 291°34'51,389", khoảng cách là 1117,68m.	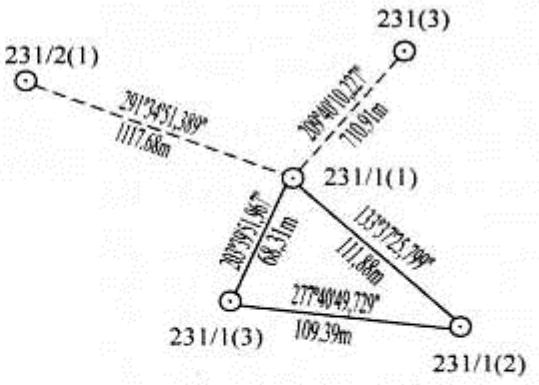

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 02 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/1(2) cắm trên bờ sông Tam Ly (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/1(2) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom) và sông Sơ Hạ (prêch Krom) với trung tuyến luồng của sông Thông Bình chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 59,42m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/1(1) là 55,08m.	1210183,23 554316,40	10 56 49,828 105 29 49,593	7,44 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 6,24

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(3) đến cột mốc số 231/1(2) là 201°17'54,798", khoảng cách là 745,84m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(1) đến cột mốc số 231/1(2) là 133°37'25,799", khoảng cách là 111,88m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(1) đến cột mốc số 231/1(3) là 203°39'51,967", khoảng cách là 68,31m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(2) đến cột mốc số 231/1(3) là 277°40'49,729", khoảng cách là 109,39m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(2) đến cột mốc số 231/2(1) là 293°32'59,699", khoảng cách là 1222,11m.	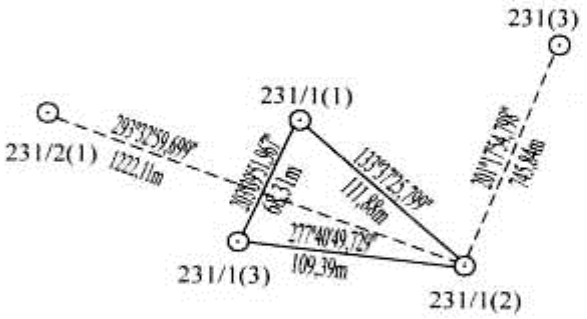

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/1(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 02 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/1(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/1(3) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom) và sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến luồng của sông Thông Bình chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 53,96m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/1(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/1(1) là 35,08m.	1210197,85 554207,99	10 56 50,309 105 29 46, 022	5,26 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,06

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231(3) đến cột mốc số 231/1(3) là 209°08'37,580", khoảng cách là 778,88m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(1) đến cột mốc số 231/1(2) là 133°37'25,799", khoảng cách là 111,88m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(1) đến cột mốc số 231/1(3) là 203°39'51,967", khoảng cách là 68,31m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(2) đến cột mốc số 231/1(3) là 277°40'49,729", khoảng cách là 109,39m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(3) đến cột mốc số 231/2(1) là 295°05'02,610", khoảng cách là 1117,28m.	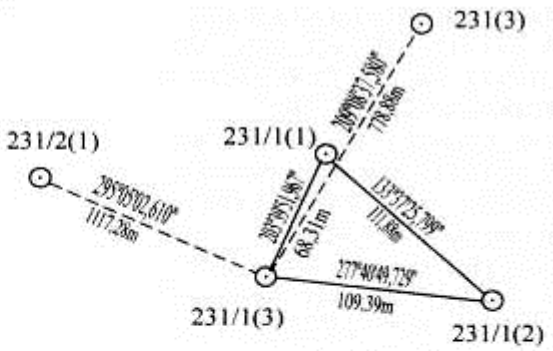

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/2(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/2(1) và cột mốc số 231/2(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 27,16m.	1210671,52 553196,08	10 57 05,784 105 29 12,708	4,33 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,13

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(3) đến cột mốc số 231/2(1) là 295°05'02,610", khoảng cách là 1117,28m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/2(1) đến cột mốc số 231/2(2) là 207°54'33,888", khoảng cách là 56,42m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/2(1) đến cột mốc số 231/3(1) là 333°57'58,545", khoảng cách là 794,30m.	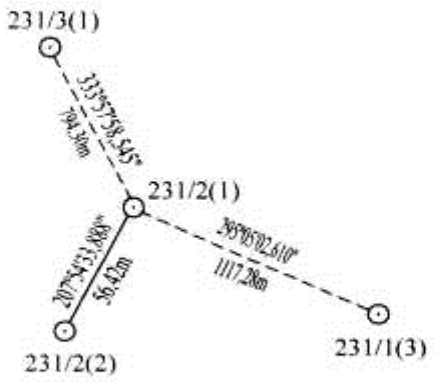

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/2(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/2(2) và cột mốc số 231/2(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 29,26m.	1210621,66 553169,67	10 57 04,162 105 29 11,835	4,03 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,83

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/1(3) đến cột mốc số 231/2(2) là 292°12'13,531", khoảng cách là 1121,48m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/2(1) đến cột mốc số 231/2(2) là 207°54'33,888", khoảng cách là 56,42m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/2(2) đến cột mốc số 231/3(1) là 337°07'16,711", khoảng cách là 828,77m.	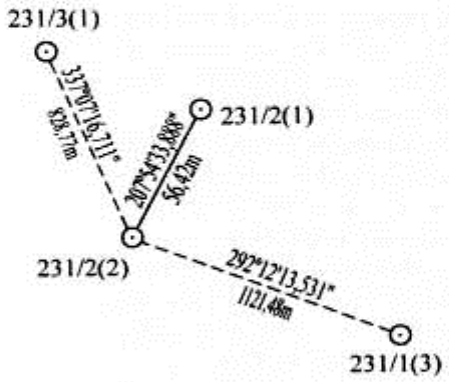

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/3(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/3(1) và cột mốc số 231/3(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 27,98m.	1211385,23 552847,46	10 57 29,039 105 29 01,259	5,06 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/2(2) đến cột mốc số 231/3(1) là 337°07'16,711", khoảng cách là 828,77m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/3(1) đến cột mốc số 231/3(2) là 246°37'22,915", khoảng cách là 62,00m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/3(1) đến cột mốc số 231/4(1) là 310°19'59,588", khoảng cách là 746,47m.	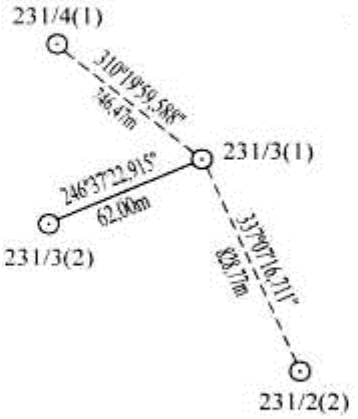		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/3(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/3(2) và cột mốc số 231/3(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 34,02m.	1211360,63 552790,55	10 57 28,241 105 28 59,384	5,51 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,31
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/2(2) đến cột mốc số 231/3(2) là 332°50'25,562", khoảng cách là 830,55m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/3(1) đến cột mốc số 231/3(2) là 246°37'22,915", khoảng cách là 62,00m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/3(2) đến cột mốc số 231/4(1) là 314°45'14,159", khoảng cách là 721,16m.	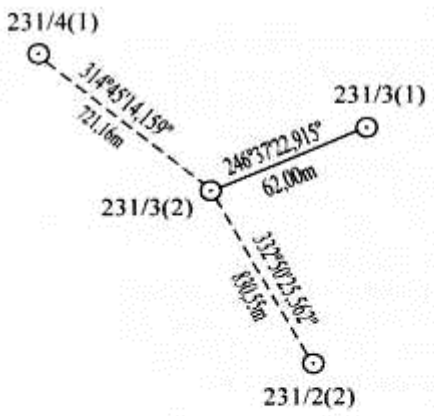		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/4(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/4(1) và cột mốc số 231/4(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 26,61m.	1211868,37 552278,43	10 57 44,799 105 28 42,537	4,81 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,61

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/3(2) đến cột mốc số 231/4(1) là 314°45'14,159", khoảng cách là 721,16m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/4(1) đến cột mốc số 231/4(2) là 211°25'22,390", khoảng cách là 56,93m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/4(1) đến cột mốc số 231/5(1) là 287°32'22,503", khoảng cách là 592,94m.	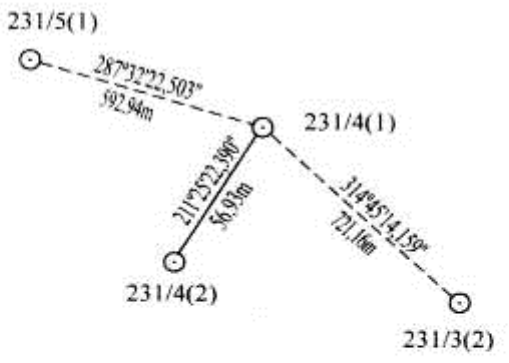

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/4(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/4(2) và cột mốc số 231/4(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 30,32m.	1211819,79 552248,75	10 57 43,219 105 28 41,556	4,86 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,60
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/3(2) đến cột mốc số 231/4(2) là 310°16'49,159", khoảng cách là 710,19m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/4(1) đến cột mốc số 231/4(2) là 211°25'22,390", khoảng cách là 56,93m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/4(2) đến cột mốc số 231/5(1) là 292°59'21,853", khoảng cách là 581,91m.	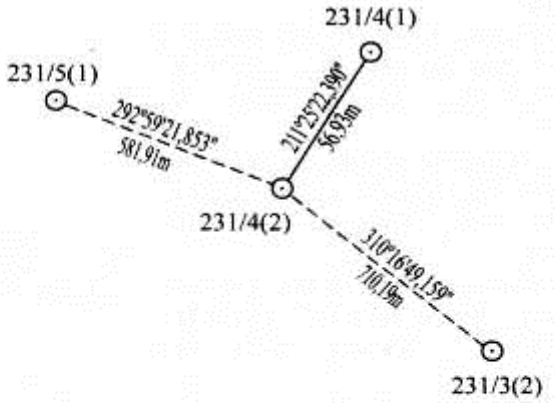		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/5(1) cắm trên bờ sông Sớ Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/5(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sớ Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Anh Chanh chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 71,69m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/5(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/5(2) là 69,60m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/5(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/5(3) là 76,95m.	1212047,06 551713,06	10 57 50,645 105 28 23,918	5,03 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,83

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/4(2) đến cột mốc số 231/5(1) là 292°59'21,853", khoảng cách là 581,91m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(1) đến cột mốc số 231/5(2) là 355°07'33,255", khoảng cách là 133,11m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(1) đến cột mốc số 231/5(3) là 40°00'03,246", khoảng cách là 156,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(2) đến cột mốc số 231/5(3) là 96°27'00,855", khoảng cách là 112,69m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(1) đến cột mốc số 231/6(1) là 274°37'18,077", khoảng cách là 912,06m.	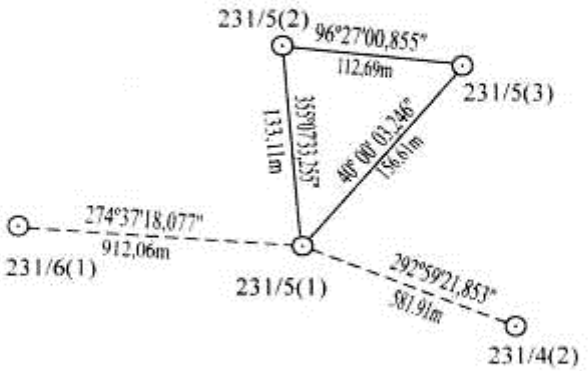

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/5(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/5(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Anh Chanh chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 71,39m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/5(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/5(1) là 63,51m.	1212179,69 551701,75	10 57 54,964 105 28 23,552	4,70 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,50

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/4(2) đến cột mốc số 231/5(2) là 303°20'34,857", khoảng cách là 654,78m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(1) đến cột mốc số 231/5(2) là 355°07'33,255", khoảng cách là 133,11m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(1) đến cột mốc số 231/5(3) là 40°00'03,246", khoảng cách là 156,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(2) đến cột mốc số 231/5(3) là 96°27'00,855", khoảng cách là 112,69m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(2) đến cột mốc số 231/6(1) là 266°13'52,197", khoảng cách là 899,73m.	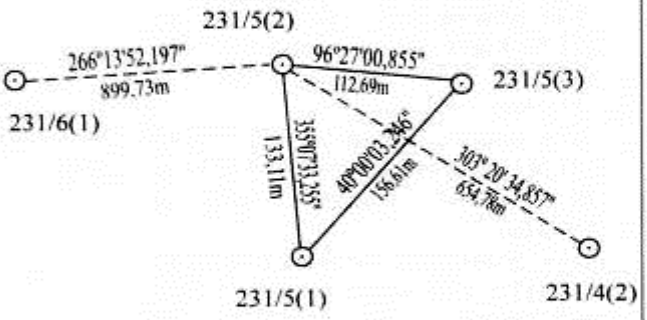

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/5(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/5(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/5(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Anh Chanh chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 95,19m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/5(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/5(1) là 79,66m.	1212167,03 551813,73	10 57 54,546 105 28 27,241	4,37 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,17

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/4(2) đến cột mốc số 231/5(3) là 308°35'50,760", khoảng cách là 556,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(1) đến cột mốc số 231/5(2) là 355°07'33,255", khoảng cách là 133,11m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(1) đến cột mốc số 231/5(3) là 40°00'03,246", khoảng cách là 156,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(2) đến cột mốc số 231/5(3) là 96°27'00,855", khoảng cách là 112,69m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(3) đến cột mốc số 231/6(1) là 267°21'52,176", khoảng cách là 1010,83m.	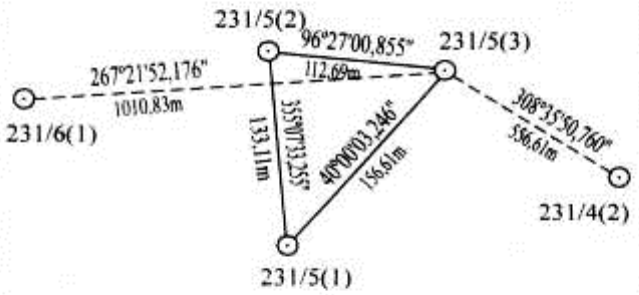

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/6(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/6(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/6(1) và cột mốc số 231/6(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 38,10m.	1212120,55 550803,97	10 57 53,084 105 27 53,969	4,31 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,11

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(3) đến cột mốc số 231/6(1) là 267°21'52,176", khoảng cách là 1010,83m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/6(1) đến cột mốc số 231/6(2) là 166°57'11,492", khoảng cách là 87,22m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/6(1) đến cột mốc số 231/7(1) là 229°10'40,508", khoảng cách là 1490,14m.	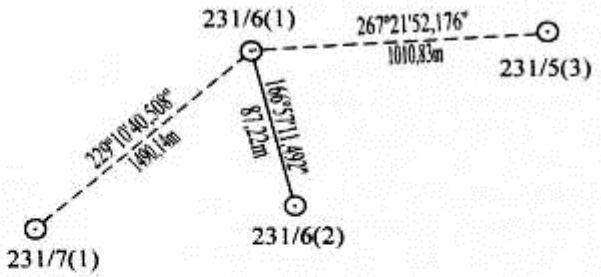

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/6(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/6(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/6(2) và cột mốc số 231/6(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 49,12m.	1212035,58 550823,66	10 57 50,317 105 27 54,613	6,75 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,55
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/5(3) đến cột mốc số 231/6(2) là 262°26'13,785", khoảng cách là 998,76m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/6(1) đến cột mốc số 231/6(2) là 166°57'11,492", khoảng cách là 87,22m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/6(2) đến cột mốc số 231/7(1) là 232°13'31,861", khoảng cách là 1451,54m.	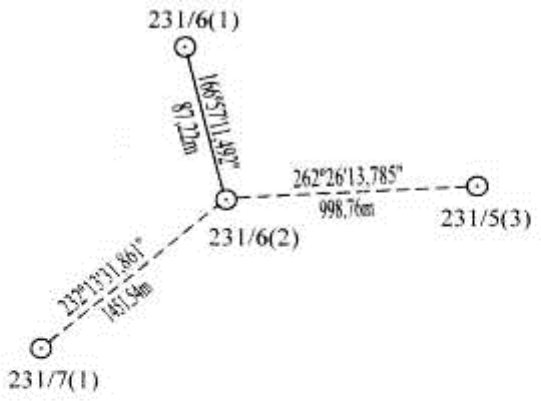		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/7(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/7(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/7(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Tân Thành chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 40,32m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/7(2) là 47,86m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/7(3) là 34,81m.	1211146,43 549676,32	10 57 21,425 105 27 16,765	3,72 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,52

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/6(2) đến cột mốc số 231/7(1) là 232°13'31,861", khoảng cách là 1451,54m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(1) đến cột mốc số 231/7(2) là 136°09'46,538", khoảng cách là 95,81m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(1) đến cột mốc số 231/7(3) là 178°30'08,684", khoảng cách là 71,93m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(2) đến cột mốc số 231/7(3) là 267°30'48,715", khoảng cách là 64,54m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(1) đến cột mốc số 231/8(1) là 255°22'14,027", khoảng cách là 351,87m.	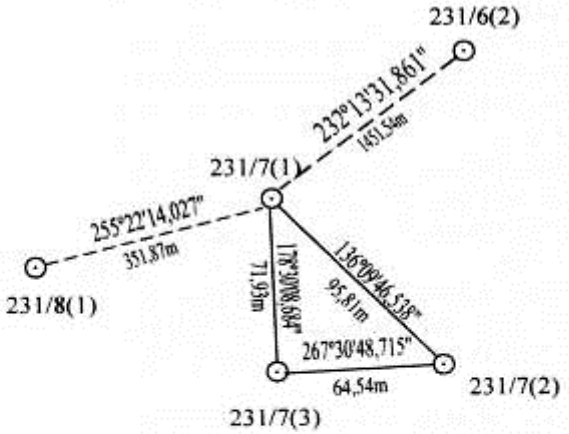

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/7(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/7(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/7(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Tân Thành chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 59,80m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/7(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 231/7(1) là 47,95m.	1211077,32 549742,68	10 57 19,172 105 27 18,948	8,51 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 7,31

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/6(2) đến cột mốc số 231/7(2) là 228°26'37,916", khoảng cách là 1444,57m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(1) đến cột mốc số 231/7(2) là 136°09'46,538", khoảng cách là 95,81m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(1) đến cột mốc số 231/7(3) là 178°30'08,684", khoảng cách là 71,93m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(2) đến cột mốc số 231/7(3) là 267°30'48,715", khoảng cách là 64,54m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(2) đến cột mốc số 231/8(1) là 267°13'09,204", khoảng cách là 407,30m.	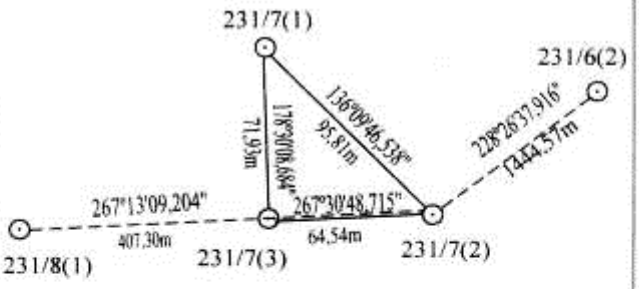

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/7(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/7(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/7(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Tân Thành chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 37,55m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/7(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 231/7(1) là 37,12m.	1211074,52 549678,20	10 57 19,084 105 27 16,823	6,58 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,38

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/6(2) đến cột mốc số 231/7(3) là 230°00'10,046", khoảng cách là 1495,23m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(1) đến cột mốc số 231/7(2) là 136°09'46,538", khoảng cách là 95,81m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(1) đến cột mốc số 231/7(3) là 178°30'08,684", khoảng cách là 71,93m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(2) đến cột mốc số 231/7(3) là 267°30'48,715", khoảng cách là 64,54m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/7(3) đến cột mốc số 231/8(1) là 267°09'49,702", khoảng cách là 342,76m.	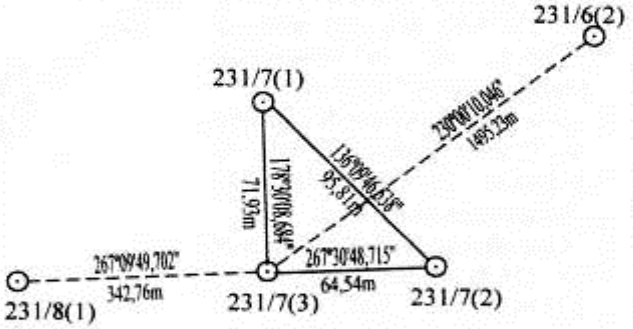

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/8(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/8(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/8(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/8(1) và cột mốc số 231/8(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 31,06m.	1211057,56 549335,86	10 57 18,548 105 27 05,543	5,18 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,98

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/7(3) đến cột mốc số 231/8(1) là 267°09'49,702", khoảng cách là 342,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/8(1) đến cột mốc số 231/8(2) là 210°40'50,443", khoảng cách là 61,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/8(1) đến cột mốc số 231/9(1) là 307°19'30,066", khoảng cách là 794,13m.	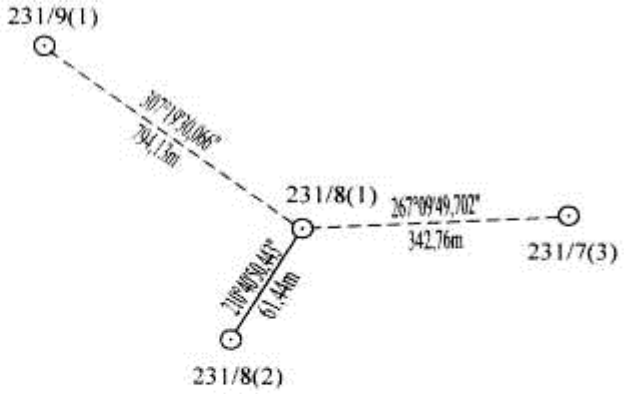

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/8(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/8(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/8(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/8(2) và cột mốc số 231/8(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 30,38m.	1211004,72 549304,51	10 57 16,829 105 27 04,507	6,12 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,92
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/7(3) đến cột mốc số 231/8(2) là 259°25'11,563", khoảng cách là 380,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/8(1) đến cột mốc số 231/8(2) là 210°40'50,443", khoảng cách là 61,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/8(2) đến cột mốc số 231/9(1) là 311°40'50,210", khoảng cách là 803,56m.	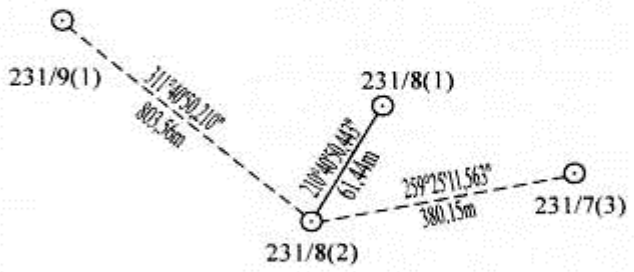		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/9(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/9(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/9(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/9(1) và cột mốc số 231/9(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 28,57m.	1211539,07 548704,36	10 57 34,256 105 26 44,761	4,60 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,40
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/8(2) đến cột mốc số 231/9(1) là 311°40'50,210", khoảng cách là 803,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/9(1) đến cột mốc số 231/9(2) là 206°42'09,359", khoảng cách là 57,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/9(1) đến cột mốc số 231/10(1) là 306°09'47,604", khoảng cách là 671,02m.	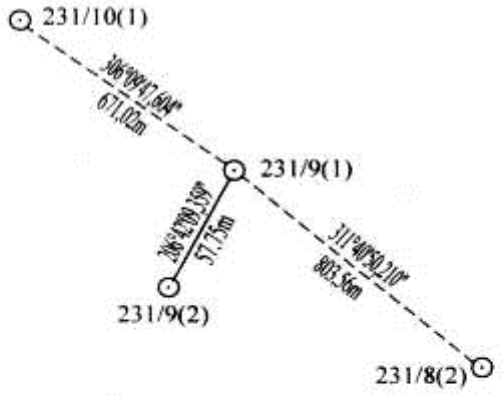		

1500

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/9(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 321/9(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (Prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/9(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/9(2) và cột mốc số 231/9(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 29,18m.	1211487,48 548678,41	10 57 32,578 105 26 43,903	4,40 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,20
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/8(2) đến cột mốc số 231/9(2) là 307°38'03,628", khoảng cách là 790,61m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/9(1) đến cột mốc số 231/9(2) là 206°42'09,359", khoảng cách là 57,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/9(2) đến cột mốc số 231/10(1) là 310°56'53,210", khoảng cách là 682,89m.	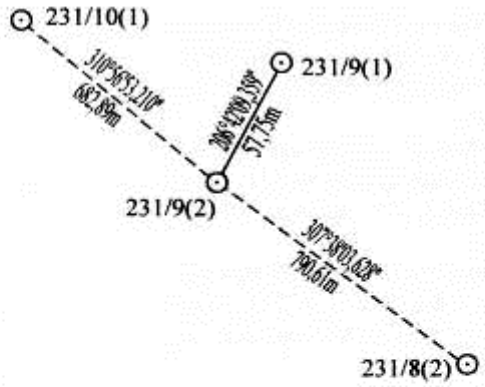		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/10(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/10(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/10(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/10(1) và cột mốc số 231/10(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 53,71m.	1211935,03 548162,62	10 57 47,173 105 26 26,930	4,90 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,70
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/9(2) đến cột mốc số 231/10(1) là 310°56'53,210", khoảng cách là 682,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/10(1) đến cột mốc số 231/10(2) là 234°48'21,379", khoảng cách là 95,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/10(1) đến cột mốc số 231/11(1) là 320°16'38,188", khoảng cách là 665,01m.	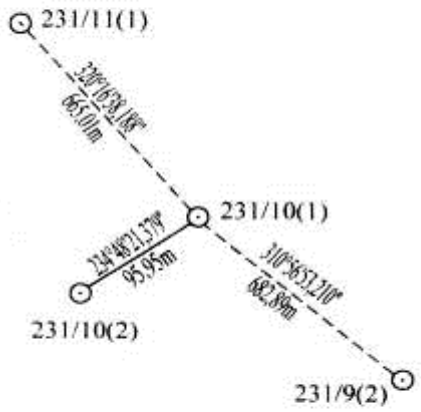		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/10(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/10(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/10(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/10(2) và cột mốc số 231/10(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 42,24m.	1211879,73 548084,21	10 57 45,377 105 26 24,344	5,68 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,48
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/9(2) đến cột mốc số 231/10(2) là 303°25'48,180", khoảng cách là 711,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/10(1) đến cột mốc số 231/10(2) là 234°48'21,379", khoảng cách là 95,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/10(2) đến cột mốc số 231/11(1) là 328°33'18,372", khoảng cách là 664,37m.	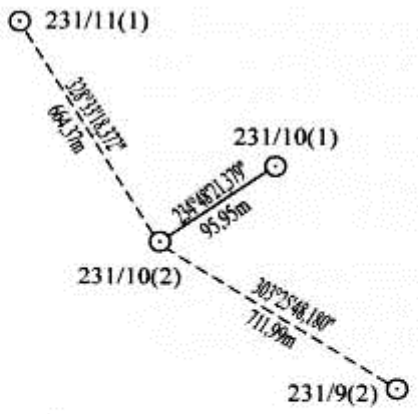		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/11(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/11(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/11(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/11(1) và cột mốc số 231/11(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 30,56m.	1212446,52 547737,63	10 58 03,846 105 26 12,952	4,96 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,76

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/10(2) đến cột mốc số 231/11(1) là 328°33'18,372", khoảng cách là 664,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/11(1) đến cột mốc số 231/11(2) là 208°25'32,125", khoảng cách là 69,01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/11(1) đến cột mốc số 231/12(1) là 326°47'58,976", khoảng cách là 744,62m.	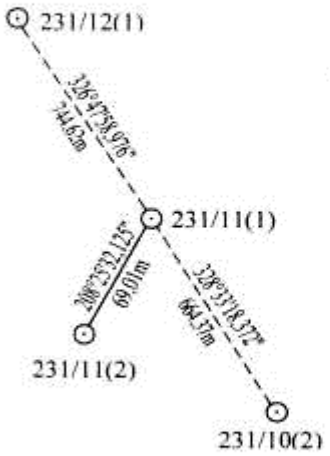

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/11(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/11(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/11(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/11(2) và cột mốc số 231/11(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 38,45m.	1212385,83 547704,78	10 58 01,872 105 26 11,866	5,24 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/10(2) đến cột mốc số 231/11(2) là 323°08'26,195", khoảng cách là 632,54m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/11(1) đến cột mốc số 231/11(2) là 208°25'32,125", khoảng cách là 69,01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/11(2) đến cột mốc số 231/12(1) là 331°15'56,488", khoảng cách là 779,78m.	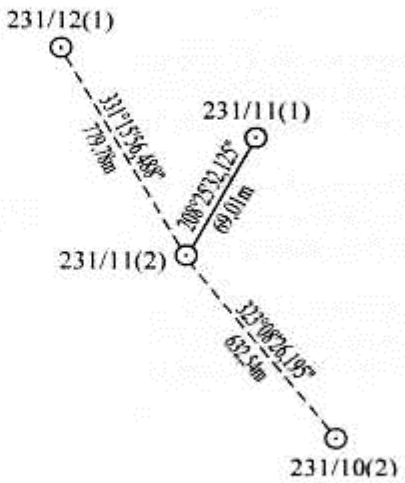		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/12(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 231/12(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/12(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/12(1) và cột mốc số 231/12(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 26,28m.	1213069,59 547329,90	10 58 24,151 105 25 59,546	5,45 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,25
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/11(2) đến cột mốc số 231/12(1) là 331°15'56,488", khoảng cách là 779,78m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/12(1) đến cột mốc số 231/12(2) là 213°12'49,209", khoảng cách là 57,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/12(1) đến cột mốc số 231/13(1) là 261°22'31,369", khoảng cách là 711,79m.	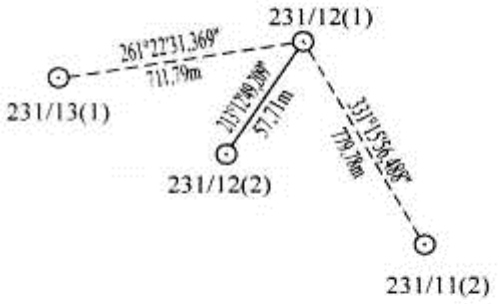		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/12(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/12(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/12(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/12(2) và cột mốc số 231/12(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 31,43m.	1213021,31 547298,29	10 58 22,581 105 25 58,503	5,35 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,15

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/11(2) đến cột mốc số 231/12(2) là 327°23'40,746", khoảng cách là 754,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/12(1) đến cột mốc số 231/12(2) là 213°12'49,209", khoảng cách là 57,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/12(2) đến cột mốc số 231/13(1) là 265°01'44,696", khoảng cách là 674,67m.	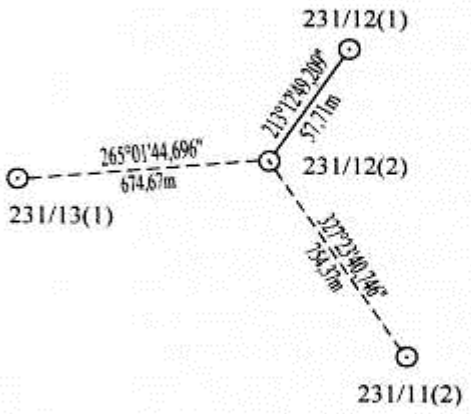

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/13(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/13(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 231/13(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Ăng Cô Oong chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 37,45m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/13(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc 231/13(2) là 46,91m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/13(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc 231/13(3) là 46,25m.	1212962,85 546626,16	10 58 20,709 105 25 36,353	5,45 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,25

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/12(2) đến cột mốc số 231/13(1) là 265°01'44,696", khoảng cách là 674,67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(1) đến cột mốc số 231/13(2) là 336°13'48,348", khoảng cách là 153,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(1) đến cột mốc số 231/13(3) là 47°11'34,587", khoảng cách là 128,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(2) đến cột mốc số 231/13(3) là 108°33'48,496", khoảng cách là 164,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(1) đến cột mốc số 232(1) là 209°09'56,454", khoảng cách là 789,08m.	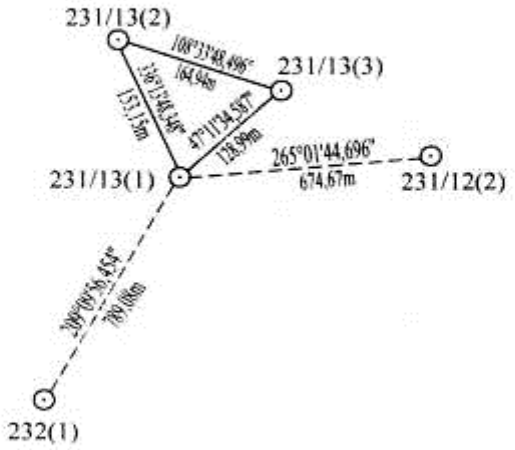

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/13(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba củng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/13(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/13(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Ăng Cô Oong chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 125,11m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/13(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc 231/13(1) là 106,24m.	1213103,01 546564,43	10 58 25,275 105 25 34,326	4,80 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,60

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/12(2) đến cột mốc số 231/13(2) là 276°21'09,112", khoảng cách là 738,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(1) đến cột mốc số 231/13(2) là 336°13'48,348", khoảng cách là 153,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(1) đến cột mốc số 231/13(3) là 47°11'34,587", khoảng cách là 128,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(2) đến cột mốc số 231/13(3) là 108°33'48,496", khoảng cách là 164,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(2) đến cột mốc số 232(1) là 201°16'18,155", khoảng cách là 889,82m.	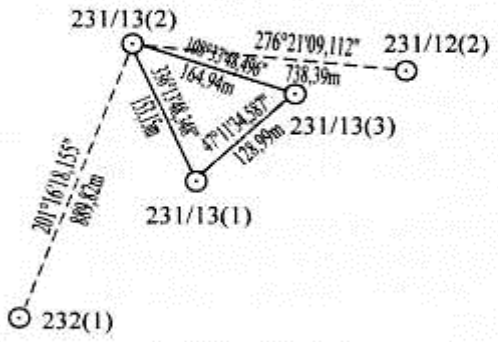

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 231/13(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 231/13(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 231/13(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Ăng Cô Oong chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 100,31m. Khoảng cách từ cột mốc số 231/13(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc 231/13(1) là 82,74m.	1213050,50 546720,79	10 58 23,558 105 25 39,476	5,45 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,25

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/12(2) đến cột mốc số 231/13(3) là 272°53'36,883", khoảng cách là 578,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(1) đến cột mốc số 231/13(2) là 336°13'48,348", khoảng cách là 153,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(1) đến cột mốc số 231/13(3) là 47°11'34,587", khoảng cách là 128,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(2) đến cột mốc số 231/13(3) là 108°33'48,496", khoảng cách là 164,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 231/13(3) đến cột mốc số 232(1) là 211°40'21,252", khoảng cách là 912,61m.	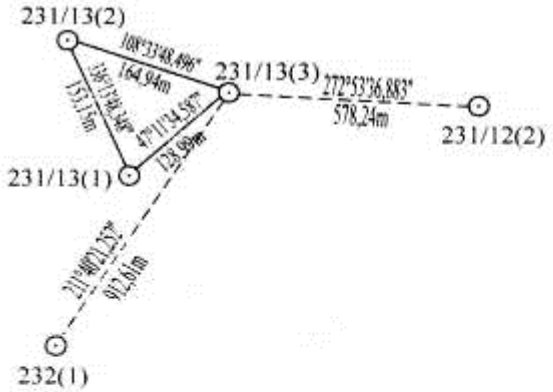

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại A	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 12 năm 2009	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia (cửa khẩu quốc tế Banteay Chrak Krei). Khoảng cách từ cột mốc số 232(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232(1) và cột mốc số 232(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 77,15m.	1212273,81 546241,61	10 57 58,293 105 25 23,651	10,38 (2,90) Độ cao mặt đất (m) 7,48
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/13(3) đến cột mốc số 232(1) là 211°40'21,252", khoảng cách là 912,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232(1) đến cột mốc số 232(2) là 112°24'35,539", khoảng cách là 158,25m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232(1) đến cột mốc số 232/1(1) là 213°17'10,926", khoảng cách là 479,84m.	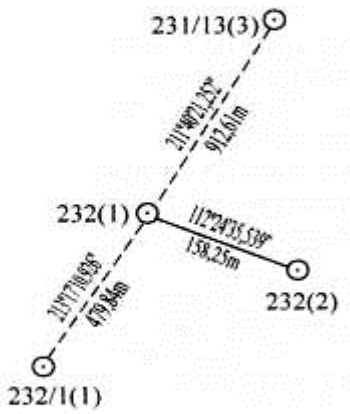		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số, loại A	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam (cửa khẩu quốc tế Dinh Bà) Khoảng cách từ cột mốc số 232(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232(2) và cột mốc số 232(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 81,10m.	1212213,48 546387,91	10 57 56,322 105 25 28,468	10,40 (3,37) Độ cao mặt đất (m) 7,03

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 231/13(3) đến cột mốc số 232(2) là 201°41'15,169", khoảng cách là 900,78m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232(1) đến cột mốc số 232(2) là 112°24'35,539", khoảng cách là 158,25m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232(2) đến cột mốc số 232/1(1) là 230°14'33,903", khoảng cách là 532,87m.	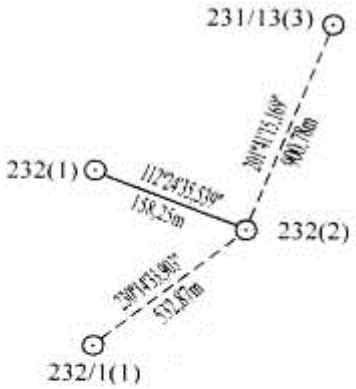

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/1(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/1(1) và cột mốc số 232/1(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 68,60m.	1211872,69 545978,26	10 57 45,245 105 25 14,955	7,21 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 6,01
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232(2) đến cột mốc số 232/1(1) là 230°14'33,903", khoảng cách là 532,87m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/1(1) đến cột mốc số 232/1(2) là 123°29'32,919", khoảng cách là 114,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/1(1) đến cột mốc số 232/2(1) là 207°43'20,422", khoảng cách là 1099,82m.	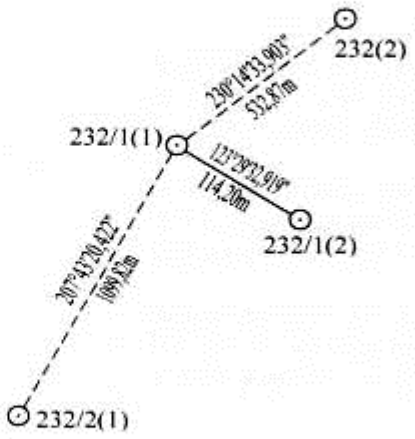		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/1(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/1(2) và cột mốc số 232/1(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 45,60m.	1211809,67 546073,50	10 57 43,189 105 25 18,090	6,50 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,30

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232(2) đến cột mốc số 232/1(2) là 217°54'16,694", khoảng cách là 511,78m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/1(1) đến cột mốc số 232/1(2) là 123°29'32,919", khoảng cách là 114,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/1(2) đến cột mốc số 232/2(1) là 213°40'57,057", khoảng cách là 1094,25m.	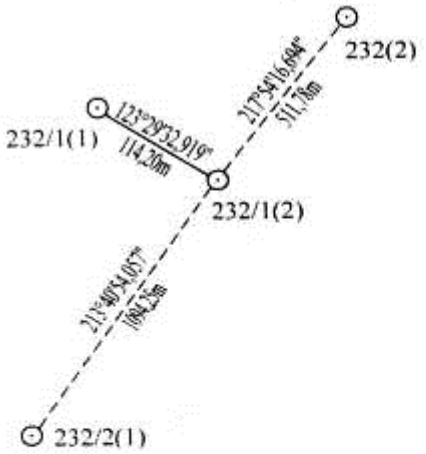

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/2(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/2(1) và cột mốc số 232/2(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 35,49m.	1210899,12 545466,64	10 57 13,571 105 24 58,054	6,97 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/1(2) đến cột mốc số 232/2(1) là 213°40'57,057", khoảng cách là 1094,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/2(1) đến cột mốc số 232/2(2) là 121°48'59,893", khoảng cách là 71,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/2(1) đến cột mốc số 232/3(1) là 207°05'55,823", khoảng cách là 844,38m.	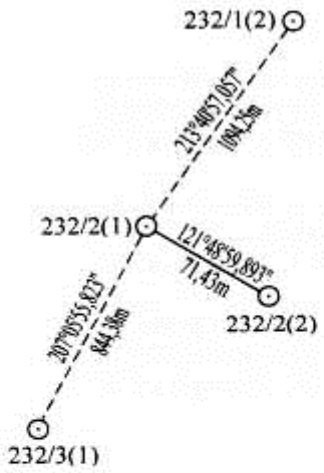		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/2(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/2(2) và cột mốc số 232/2(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 35,94m.	1210861,46 545527,34	10 57 12,343 105 25 00,052	5,58 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,38

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/1(2) đến cột mốc số 232/2(2) là 209°56'29,530", khoảng cách là 1094,26m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/2(1) đến cột mốc số 232/2(2) là 121°48'59,893", khoảng cách là 71,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/2(2) đến cột mốc số 232/3(1) là 211°57'06,338", khoảng cách là 841,53m.	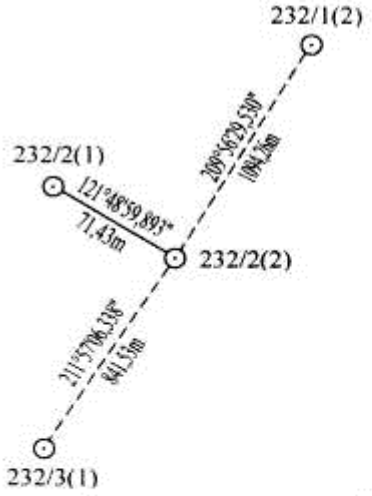

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/3(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/3(1) và cột mốc số 232/3(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 38,39m.	1210147,43 545082,00	10 56 49,115 105 24 45,346	4,65 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,45
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/2(2) đến cột mốc số 232/3(1) là 211°57'06,338", khoảng cách là 841,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/3(1) đến cột mốc số 232/3(2) là 121°53'51,929", khoảng cách là 80,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/3(1) đến cột mốc số 232/4(1) là 191°54'36,376", khoảng cách là 820,05m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/3(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/3(2) và cột mốc số 232/3(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 42,31m.	1210104,79 545150,51	10 56 47,724 105 24 47,602	6,50 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,30
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/2(2) đến cột mốc số 232/3(2) là 206°28'25,718", khoảng cách là 845,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/3(1) đến cột mốc số 232/3(2) là 121°53'51,929", khoảng cách là 80,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/3(2) đến cột mốc số 232/4(1) là 197°22'34,862", khoảng cách là 796,09m.	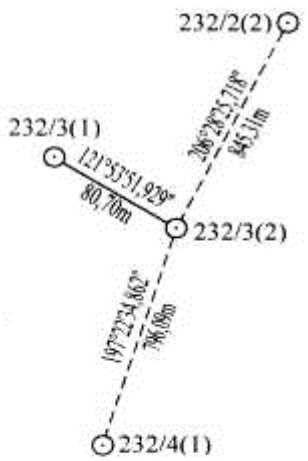		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 02 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/4(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/4(1) và cột mốc số 232/4(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 35,45m.	1209345,03 544912,76	10 56 22,998 105 24 39,734	4,73 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,53
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/3(2) đến cột mốc số 232/4(1) là 197°22'34,862", khoảng cách là 796,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/4(1) đến cột mốc số 232/4(2) là 124°9'05,513", khoảng cách là 79,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/4(1) đến cột mốc số 232/5(1) là 216°38'41,793", khoảng cách là 936,28m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/4(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/4(2) và cột mốc số 232/4(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 44,24m.	1209300,10 544978,58	10 56 21,533 105 24 41,901	7,46 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			6,26
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/3(2) đến cột mốc số 232/4(2) là 192°03'37,697", khoảng cách là 822,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/4(1) đến cột mốc số 232/4(2) là 124°19'05,513", khoảng cách là 79,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/4(2) đến cột mốc số 232/5(1) là 221°29'21,889", khoảng cách là 942,88m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/5(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/5(1) và cột mốc số 232/5(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 33,43m.	1208593,81 544353,94	10 55 58,565 105 24 21,290	6,54 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/4(2) đến cột mốc số 232/5(1) là 221°29'21,889", khoảng cách là 942,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/5(1) đến cột mốc số 232/5(2) là 62°47'48,263", khoảng cách là 63,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/5(1) đến cột mốc số 232/6(1) là 200°12'34,975", khoảng cách là 293,35m.	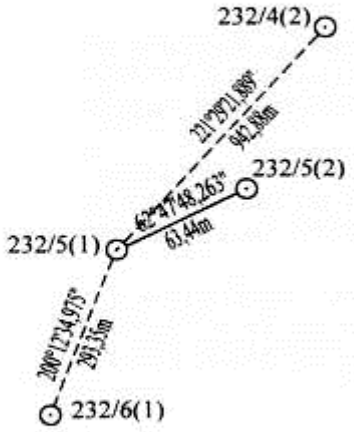		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/5(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/5(2) và cột mốc số 232/5(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 30,01m.	1208622,81 544410,36	10 55 59,507 105 24 23,150	4,96 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,76
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/4(2) đến cột mốc số 232/5(2) là 219°59'43,237", khoảng cách là 884,08m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/5(1) đến cột mốc số 232/5(2) là 62°47'48,263", khoảng cách là 63,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/5(2) đến cột mốc số 232/6(1) là 207°24'16,587", khoảng cách là 342,75m.	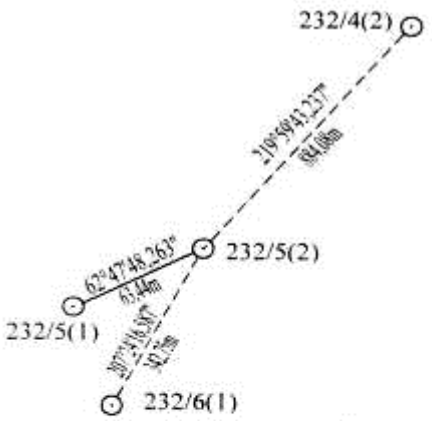		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/6(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/6(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/6(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Sa Rải chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 82,44m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/6(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/6(2) là 93,65m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/6(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/6(3) là 48,52m.	1208318,52 544252,60	10 55 49,607 105 24 17,939	6,61 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,41

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/5(2) đến cột mốc số 232/6(1) là 207°24'16,587", khoảng cách là 342,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(1) đến cột mốc số 232/6(2) là 110°03'21,323", khoảng cách là 149,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(1) đến cột mốc số 232/6(3) là 133°53'31,026", khoảng cách là 95,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(2) đến cột mốc số 232/6(3) là 257°54'36,693", khoảng cách là 72,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(1) đến cột mốc số 232/7(1) là 240°59'16,096", khoảng cách là 320,19m.	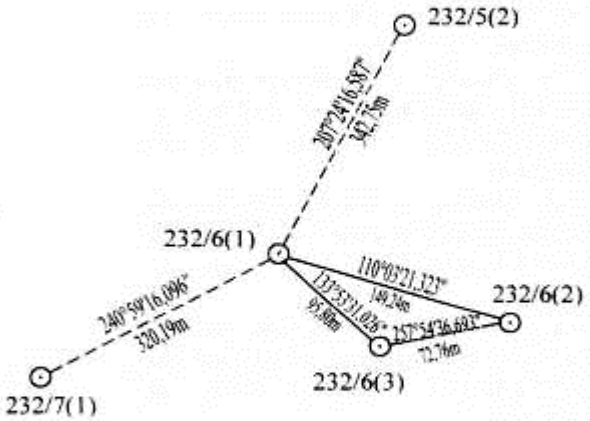

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/6(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/6(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc 232/6(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Sa Rài chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 67,63m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/6(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/6(1) là 55,59m.	1208267,34 544392,79	10 55 47,934 105 24 22,556	7,84 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 6,64

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/5(2) đến cột mốc số 232/6(2) là 182°49'46,867", khoảng cách là 355,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(1) đến cột mốc số 232/6(2) là 110°03'21,323", khoảng cách là 149,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(1) đến cột mốc số 232/6(3) là 133°53'31,026", khoảng cách là 95,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(2) đến cột mốc số 232/6(3) là 257°54'36,693", khoảng cách là 72,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(2) đến cột mốc số 232/7(1) là 256°05'04,030", khoảng cách là 432,91m.	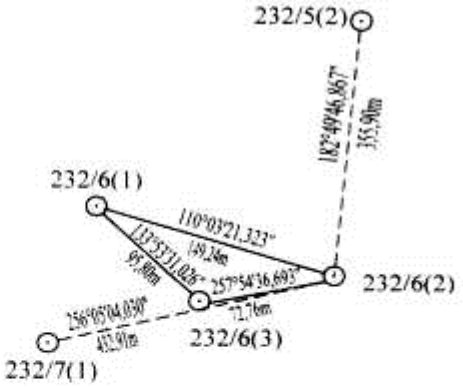

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/6(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/6(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc 232/6(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Sa Rài chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 31,36m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/6(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/6(1) là 47,28m.	1208252,10 544321,64	10 55 47,441 105 24 20,211	6,52 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,32

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/5(2) đến cột mốc số 232/6(3) là 193°27'32,884", khoảng cách là 381,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(1) đến cột mốc số 232/6(2) là 110°03'21,323", khoảng cách là 149,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(1) đến cột mốc số 232/6(3) là 133°53'31,026", khoảng cách là 95,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(2) đến cột mốc số 232/6(3) là 257°54'36,693", khoảng cách là 72,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(3) đến cột mốc số 232/7(1) là 255°42'56,452", khoảng cách là 360,19m.	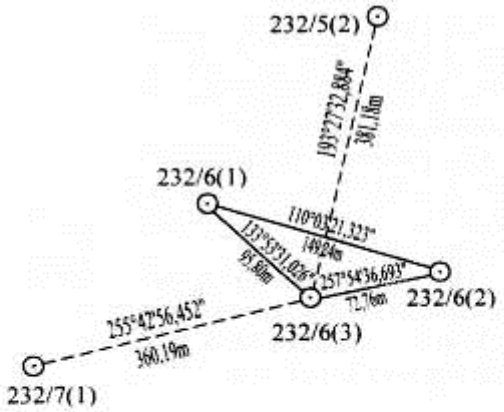

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/7(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/7(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/7(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/7(1) và cột mốc số 232/7(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 34,01m.	1208163,23 543972,59	10 55 44,563 105 24 08,707	5,11 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,91
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(3) đến cột mốc số 232/7(1) là 255°42'56,452", khoảng cách là 360,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/7(1) đến cột mốc số 232/7(2) là 128°20'44,762", khoảng cách là 69,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/7(1) đến cột mốc số 232/8(1) là 253°59'58,554", khoảng cách là 632,41m.	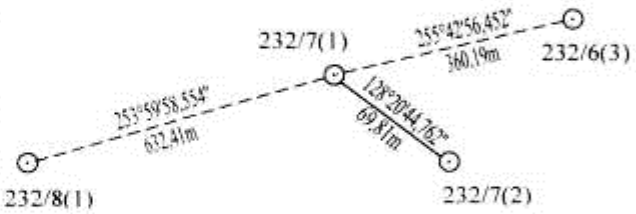		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/7(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/7(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/7(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/7(2) và cột mốc số 232/7(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 35,80m.	1208119,92 544027,34	10 55 43,150 105 24 10,509	6,05 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			4,85

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/6(3) đến cột mốc số 232/7(2) là 245°48'48,789", khoảng cách là 322,62m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/7(1) đến cột mốc số 232/7(2) là 128°20'44,762", khoảng cách là 69,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/7(2) đến cột mốc số 232/8(1) là 258°48'59,972", khoảng cách là 675,49m.	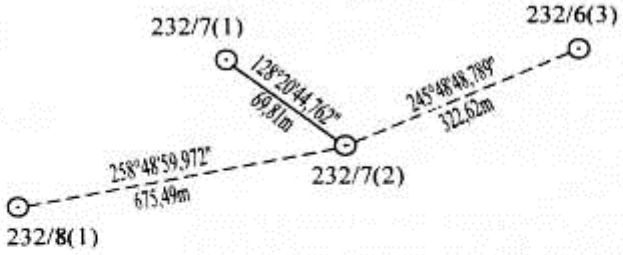

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/8(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/8(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc 232/8(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch On Lung Cha chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 38,15m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/8(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc 232/8(2) là 39,51m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/8(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc 232/8(3) là 30,34m.	1207988,91 543364,68	10 55 38,914 105 23 48,673	5,30 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,10

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/7(2) đến cột mốc số 232/8(1) là 258°48'59,972", khoảng cách là 675,49m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(1) đến cột mốc số 232/8(2) là 343°28'11,676", khoảng cách là 75,92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(1) đến cột mốc số 232/8(3) là 26°51'33,854", khoảng cách là 79,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(2) đến cột mốc số 232/8(3) là 92°06'20,115", khoảng cách là 57,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(1) đến cột mốc số 232/9(1) là 189°46'30,942", khoảng cách là 362,40m.	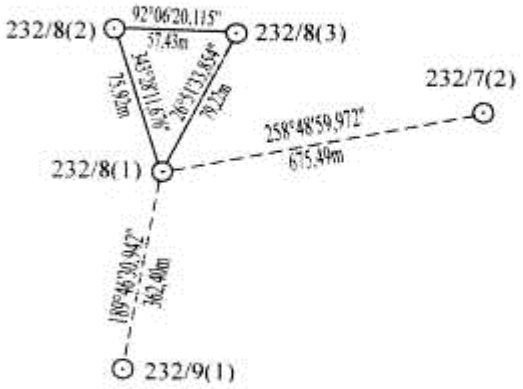

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/8(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/8(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc 232/8(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch On Lung Cha chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 38,51m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/8(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc 232/8(1) là 36,41m.	1208061,69 543343,08	10 55 41,284 105 23 47,964	5,24 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/7(2) đến cột mốc số 232/8(2) là 265°08'09,213", khoảng cách là 686,73m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(1) đến cột mốc số 232/8(2) là 343°28'11,676", khoảng cách là 75,92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(1) đến cột mốc số 232/8(3) là 26°51'33,854", khoảng cách là 79,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(2) đến cột mốc số 232/8(3) là 92°06'20,115", khoảng cách là 57,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(2) đến cột mốc số 232/9(1) là 185°18'22,608", khoảng cách là 431,77m.	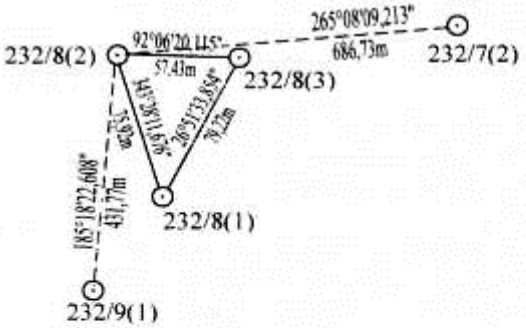		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/8(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/8(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc 232/8(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch On Lung Cha chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 52,97m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/8(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc 232/8(1) là 48,88m.	1208059,58 543400,47	10 55 41,213 105 23 49,855	3,97 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,77

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/7(2) đến cột mốc số 232/8(3) là 264°30'06,754", khoảng cách là 629,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(1) đến cột mốc số 232/8(2) là 343°28'11,676", khoảng cách là 75,92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(1) đến cột mốc số 232/8(3) là 26°51'33,854", khoảng cách là 79,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(2) đến cột mốc số 232/8(3) là 92°06'20,115", khoảng cách là 57,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 232/8(3) đến cột mốc số 232/9(1) là 192°48'56,826", khoảng cách là 438,74m.	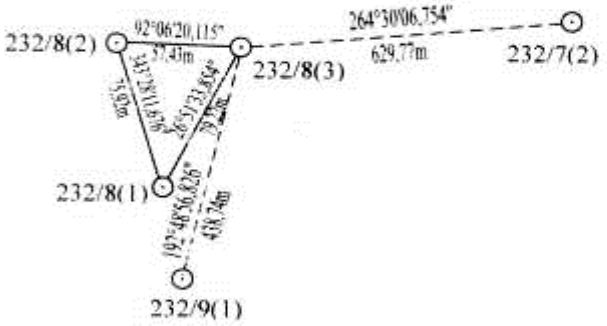

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/9(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/9(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/9(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/9(1) và cột mốc số 232/9(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 22,46m.	1207631,77 543303,15	10 55 27,288 105 23 46,630	6,29 (2,84) Độ cao mặt đất (m) 3,45
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/8(3) đến cột mốc số 232/9(1) là 192°48'56,826", khoảng cách là 438,74m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/9(1) đến cột mốc số 232/9(2) là 148°48'53,280", khoảng cách là 57,24m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/9(1) đến cột mốc số 232/10(1) là 236°02'13,809", khoảng cách là 676,39m.	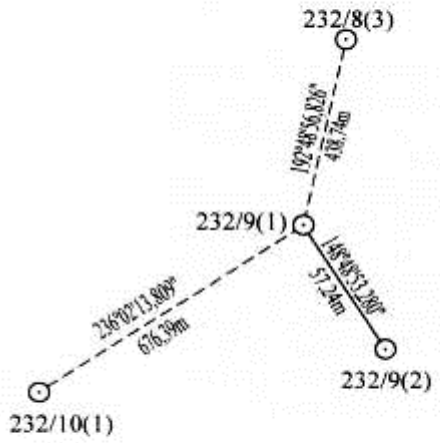		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/9(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/9(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/9(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/9(2) và cột mốc số 232/9(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 34,78m.	1207582,80 543332,79	10 55 25,693 105 23 47,604	5,86 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,66
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/8(3) đến cột mốc số 232/9(2) là 188°04'45,433", khoảng cách là 481,56m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/9(1) đến cột mốc số 232/9(2) là 148°48'53,280", khoảng cách là 57,24m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/9(2) đến cột mốc số 232/10(1) là 240°53'18,946", khoảng cách là 676,04m.	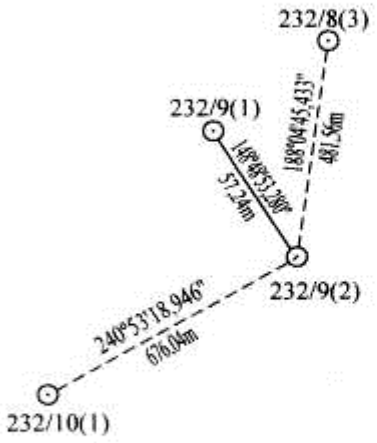		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/10(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/10(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/10(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/10(1) và cột mốc số 232/10(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 30,50m.	1207253,90 542742,15	10 55 15,010 105 23 28,132	4,05 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,85
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/9(2) đến cột mốc số 232/10(1) là 240°53'18,946", khoảng cách là 676,04m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/10(1) đến cột mốc số 232/10(2) là 159°59'38,293", khoảng cách là 74,74m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/10(1) đến cột mốc số 232/11(1) là 240°05'22,557", khoảng cách là 643,60m.	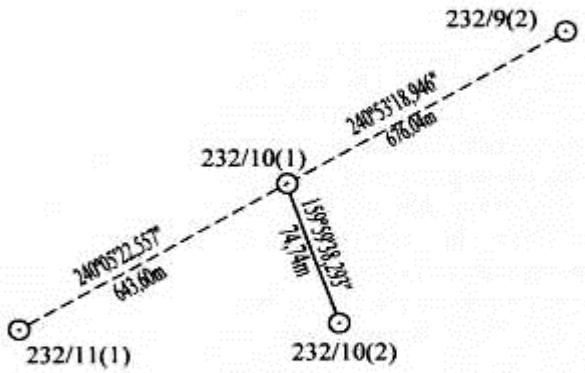		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/10(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 02 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/10(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/10(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/10(2) và cột mốc số 232/10(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 44,24m.	1207183,67 542767,72	10 55 12,722 105 23 28,971	5,55 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,35
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/9(2) đến cột mốc số 232/10(2) là 234°45'54,051", khoảng cách là 691,82m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/10(1) đến cột mốc số 232/10(2) là 159°59'38,293", khoảng cách là 74,74m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/10(2) đến cột mốc số 232/11(1) là 246°44'51,018", khoảng cách là 635,03m.	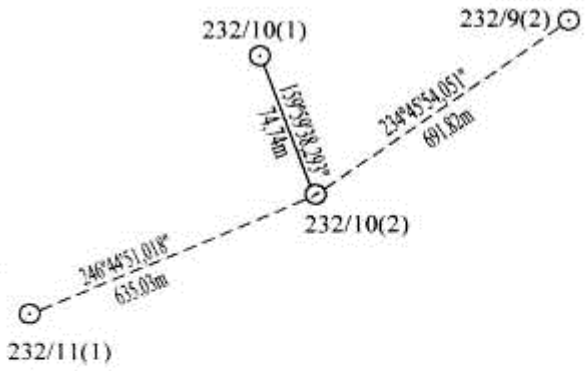		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/11(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/11(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/11(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Tân Công Chí chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 29,61m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/11(2) là 35,72m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/11(3) là 31,08m.	1206932,97 542184,27	10 55 04,584 105 23 09,739	3,76 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,56

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/10(2) đến cột mốc số 232/11(1) là 246°44'51,018", khoảng cách là 635,03m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(1) đến cột mốc số 232/11(2) là 115°13'11,175", khoảng cách là 67,05m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(1) đến cột mốc số 232/11(3) là 156°54'20,675", khoảng cách là 63,46m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(2) đến cột mốc số 232/11(3) là 230°12'08,307", khoảng cách là 46,56m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(1) đến cột mốc số 232/12(1) là 205°01'55,809", khoảng cách là 904,10m.	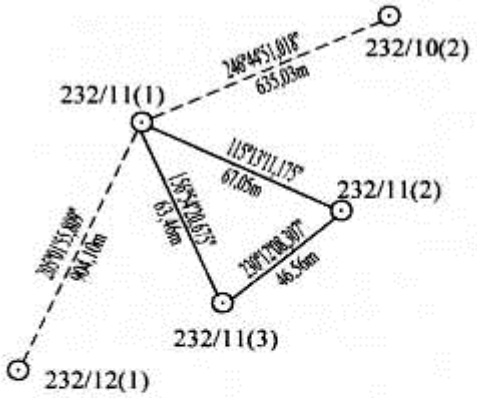

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/11(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/11(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/11(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Tân Công Chí chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 39,13m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/11(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/11(1) là 31,33m.	1206904,40 542244,93	10 55 03,651 105 23 11,737	5,99 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,79

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/10(2) đến cột mốc số 232/11(2) là 241°53'21,278", khoảng cách là 592,71m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(1) đến cột mốc số 232/11(2) là 115°13'11,175", khoảng cách là 67,05m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(1) đến cột mốc số 232/11(3) là 156°54'20,675", khoảng cách là 63,46m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(2) đến cột mốc số 232/11(3) là 230°12'08,307", khoảng cách là 46,56m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(2) đến cột mốc số 232/12(1) là 209°16'28,780", khoảng cách là 906,37m.	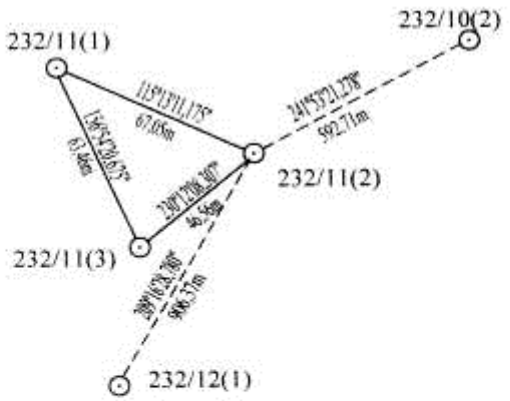

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/11(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/11(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/11(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Tân Công Chí chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 39,46m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/11(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/11(1) là 32,38m.	1206874,60 542209,16	10 55 02,683 105 23 10,557	6,69 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,49

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/10(2) đến cột mốc số 232/11(3) là 241°02'33,979", khoảng cách là 638,37m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(1) đến cột mốc số 232/11(2) là 115°13'11,175", khoảng cách là 67,05m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(1) đến cột mốc số 232/11(3) là 156°54'20,675", khoảng cách là 63,46m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(2) đến cột mốc số 232/11(3) là 230°12'08,307", khoảng cách là 46,56m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(3) đến cột mốc số 232/12(1) là 208°10'14,108", khoảng cách là 863,04m.	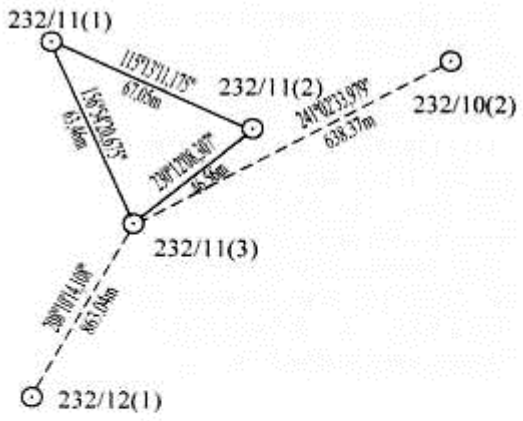

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/12(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/12(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/12(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/12(1) và cột mốc số 232/12(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 31,04m.	1206113,79 541801,72	10 54 37,929 105 22 57,102	3,76 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,56
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(3) đến cột mốc số 232/12(1) là 208°10'14,108", khoảng cách là 863,04m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/12(1) đến cột mốc số 232/12(2) là 155°30'35,911", khoảng cách là 55,58m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/12(1) đến cột mốc số 232/13(1) là 197°46'52,310", khoảng cách là 868,32m.	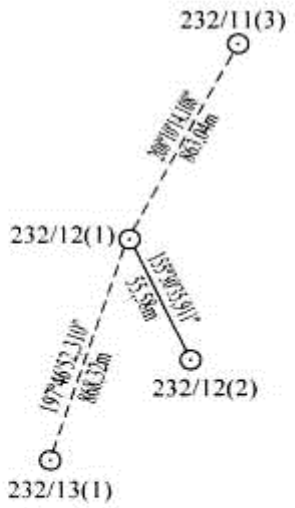		

1538

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/12(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/12(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/12(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/12(2) và cột mốc số 232/12(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 24,54m.	1206063,21 541824,76	10 54 36,282 105 22 57,859	4,23 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,03

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/11(3) đến cột mốc số 232/12(2) là 205°20'58,144", khoảng cách là 897,84m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/12(1) đến cột mốc số 232/12(2) là 155°30'35,911", khoảng cách là 55,58m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/12(2) đến cột mốc số 232/13(1) là 200°22'08,279", khoảng cách là 828,04m.	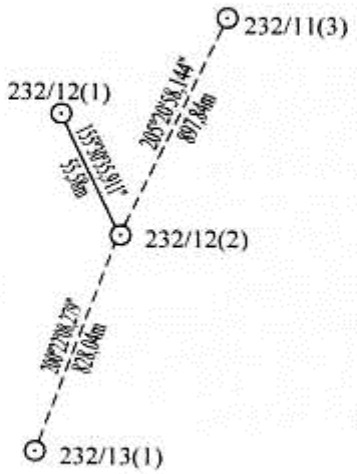

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/13(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/13(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/13(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/13(1) và cột mốc số 232/13(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 34,09m.	1205286,95 541536,55	10 54 11,020 105 22 48,333	3,67 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,47
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/12(2) đến cột mốc số 232/13(1) là 200°22'08,279", khoảng cách là 828,04m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/13(1) đến cột mốc số 232/13(2) là 131°34'56,903", khoảng cách là 64,29m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/13(1) đến cột mốc số 232/14(1) là 274°47'53,535", khoảng cách là 667,69m.	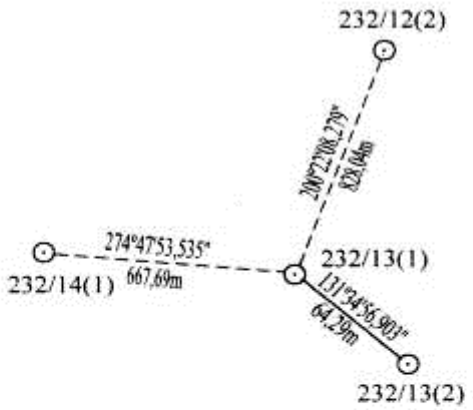		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/13(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/13(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/13(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/13(2) và cột mốc số 232/13(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 30,20m.	1205244,28 541584,64	10 54 09,629 105 22 49,915	5,21 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,01
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/12(2) đến cột mốc số 232/13(2) là 196°20'30,349", khoảng cách là 853,41m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/13(1) đến cột mốc số 232/13(2) là 131°34'56,903", khoảng cách là 64,29m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/13(2) đến cột mốc số 232/14(1) là 277°51'44,408", khoảng cách là 720,21m.	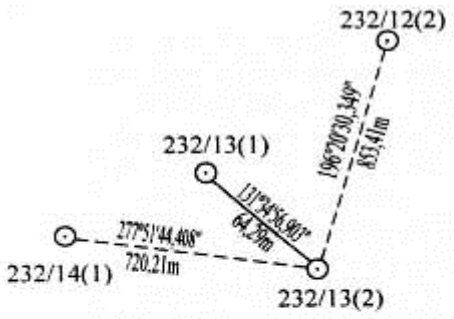		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/14(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/14(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/14(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ka Đông chảy vào lãnh thổ Campuchia là 36,46m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/14(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/14(2) là 45,35m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/14(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/14(3) là 43,55m.	1205342,80 540871,20	10 54 12,866 105 22 26,417	5,63 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,43

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/13(2) đến cột mốc số 232/14(1) là 277°51'44,408", khoảng cách là 720,21m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(1) đến cột mốc số 232/14(2) là 330°49'57,930", khoảng cách là 93,87m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(1) đến cột mốc số 232/14(3) là 11°50'59,333", khoảng cách là 91,16m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(2) đến cột mốc số 232/14(3) là 83°35'01,451", khoảng cách là 64,88m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(1) đến cột mốc số 232/15(1) là 206°17'05,528", khoảng cách là 652,98m.	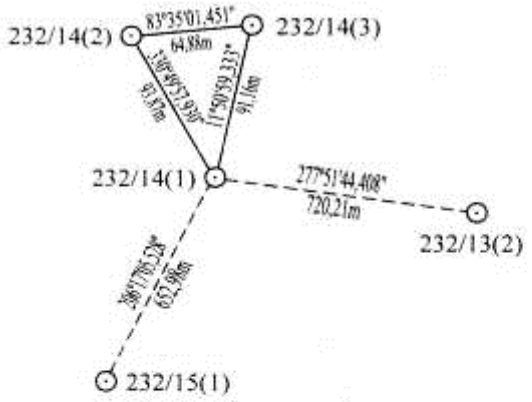

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/14(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/14(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/14(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ka Đông chảy vào lãnh thổ Campuchia là 60,27m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/14(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/14(1) là 48,55m.	1205424,77 540825,45	10 54 15,536 105 22 24,913	4,03 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,83

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/13(2) đến cột mốc số 232/14(2) là 283°22'23,688", khoảng cách là 780,35m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(1) đến cột mốc số 232/14(2) là 330°49'57,930", khoảng cách là 93,87m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(1) đến cột mốc số 232/14(3) là 11°50'59,333", khoảng cách là 91,16m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(2) đến cột mốc số 232/14(3) là 83°35'01,451", khoảng cách là 64,88m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(2) đến cột mốc số 232/15(1) là 200°02'12,416", khoảng cách là 710,43m.	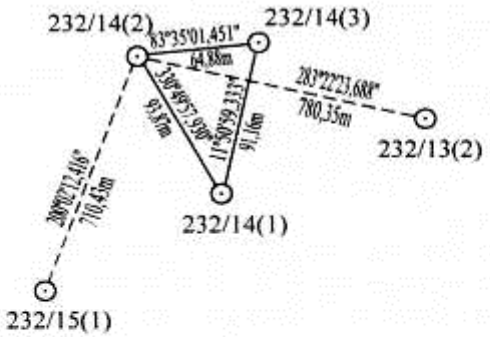

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/14(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/14(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/14(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ka Đông chảy vào lãnh thổ Campuchia là 59,33m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/14(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/14(1) là 47,67m.	1205432.02 540889.92	10 54 15,769 105 22 27,037	4,21 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,01

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/13(2) đến cột mốc số 232/14(3) là 285°07'20,294", khoảng cách là 719,64m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(1) đến cột mốc số 232/14(2) là 330°49'57,930", khoảng cách là 93,87m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(1) đến cột mốc số 232/14(3) là 11°50'59,333", khoảng cách là 91,16m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(2) đến cột mốc số 232/14(3) là 83°35'01,451", khoảng cách là 64,88m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(3) đến cột mốc số 232/15(1) là 204°31'43,921", khoảng cách là 741,61m.	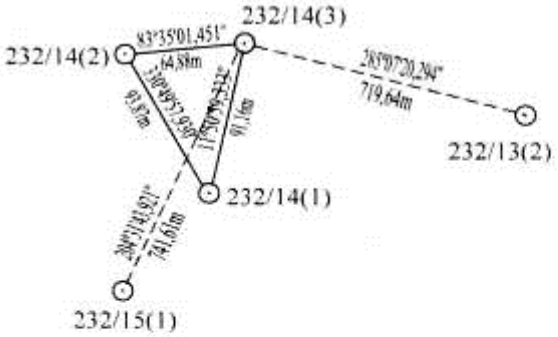

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/15(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/15(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 232/15(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Thống Nhất chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 58,16m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/15(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/15(2) là 39,35m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/15(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/15(3) là 60,08m.	1204757,34 540582,04	10 53 53,816 105 22 16,867	3,88 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,68

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(3) đến cột mốc số 232/15(1) là 204°31'43,921", khoảng cách là 741,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(1) đến cột mốc số 232/15(2) là 126°24'00,405", khoảng cách là 83,18m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(1) đến cột mốc số 232/15(3) là 166°39'14,284", khoảng cách là 101,68m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(2) đến cột mốc số 232/15(3) là 221°15'19,466", khoảng cách là 65,94m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(1) đến cột mốc số 232/16(1) là 197°41'49,264", khoảng cách là 1127,27m.	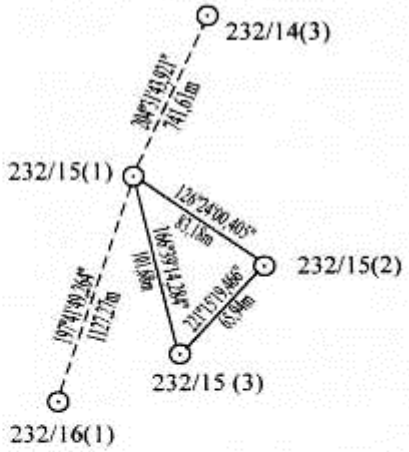

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/15(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Cột mốc số 232/15(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/15(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Thống Nhất chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 39,32m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/15(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/15(1) là 43,83m.	1204707,98 540648,99	10 53 52,206 105 22 19,071	5,76 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,56

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(3) đến cột mốc số 232/15(2) là 198°24'18,967", khoảng cách là 763,07m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(1) đến cột mốc số 232/15(2) là 126°24'00,405", khoảng cách là 83,18m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(1) đến cột mốc số 232/15(3) là 166°39'14,284", khoảng cách là 101,68m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(2) đến cột mốc số 232/15(3) là 221°15'19,466", khoảng cách là 65,94m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(2) đến cột mốc số 232/16(1) là 201°47'29,667", khoảng cách là 1103,41m.	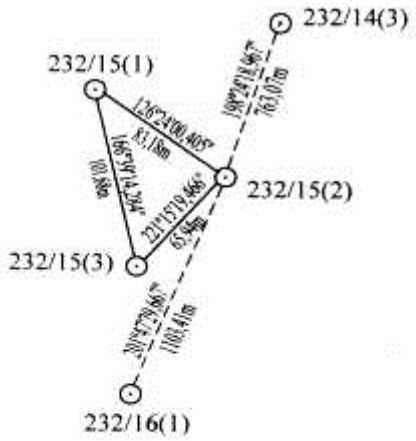

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/15(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 232/15(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 232/15(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh Thống Nhất chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 47,95m. Khoảng cách từ cột mốc số 232/15(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/15(1) là 41,60m.	1204658,41 540605,51	10 53 50,594 105 22 17,636	6,69 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 5,49

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/14(3) đến cột mốc số 232/15(3) là 200°11'07,613", khoảng cách là 824,23m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(1) đến cột mốc số 232/15(2) là 126°24'00,405", khoảng cách là 83,18m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(1) đến cột mốc số 232/15(3) là 166°39'14,284", khoảng cách là 101,68m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(2) đến cột mốc số 232/15(3) là 221°15'19,466", khoảng cách là 65,94m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(3) đến cột mốc số 232/16(1) là 200°34'57,960", khoảng cách là 1041,47m.	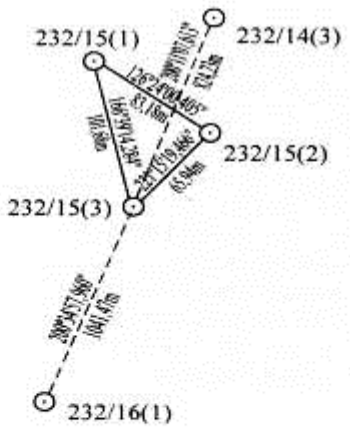

1547

(Xem tiếp Công báo số 191 + 192)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng